

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

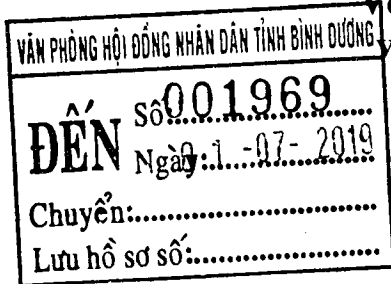
Số: 3125/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng
nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương



Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 09/12/2011, HĐND tỉnh khóa VIII (kỳ họp thứ 3) ban hành Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 phê chuẩn chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương; ngày 24/7/2014, HĐND tỉnh khóa VIII (kỳ họp thứ 12) ban hành Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 phê chuẩn chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Sau thời gian thực hiện, đến nay một số chính sách, chế độ cần xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương theo Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 là kết quả của quá trình thực hiện chủ trương thu hút, đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh được thực hiện từ năm 1998. Với nhiều chế độ hỗ trợ, thu hút đã góp phần duy trì sự ổn định, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện đời sống và tạo động lực khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chính sách hiện hành còn tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện các Chương trình hành động của Tỉnh ủy và các đề án đảm bảo nguồn nhân lực của UBND tỉnh. Qua đó, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, nhất là đối với các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Đối với chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 thực hiện từ ngày 01/01/2015 là sự kế thừa của các chính sách thu hút được ban hành

từ khi thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một. Đối tượng thu hút về trường công tác theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 đã được thu hẹp; chỉ thu hút tiến sĩ và thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi. Việc thu hút có chọn lọc giúp cho chất lượng nhân lực thu hút được nâng lên đáp ứng yêu cầu giảng dạy của trường.

Bên cạnh những hiệu quả đạt được, chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện hành của tỉnh đã bộc lộ nhiều hạn chế, đồng thời phát sinh nhiều yếu tố tác động khác cần xem xét điều chỉnh. Hầu hết các chính sách hiện hành về thu hút, hỗ trợ đều căn cứ vào bằng cấp để giải quyết nên chưa đánh giá chính xác chất lượng của đối tượng được thu hút, hỗ trợ so với mục đích, yêu cầu đặt ra. Kết quả nghiên cứu của các luận văn/luận án tốt nghiệp sau đại học của cán bộ, công chức, viên chức không ứng dụng được vào thực tiễn công việc của ngành, địa phương, đơn vị nên chưa gắn việc đào tạo và ứng dụng trong thực tế. Việc thu hút nhân lực cho ngành y tế thực hiện không đạt hiệu quả do các mức thu hút, hỗ trợ chưa thật sự hấp dẫn. Một số chế độ hỗ trợ áp dụng cho các xã trên địa bàn của tỉnh trước đây được xác định là khó khăn, nay tình hình kinh tế - xã hội có sự thay đổi nên việc xác định các xã khó khăn không còn phù hợp; sự thay đổi địa giới, tên gọi hành chính một số huyện, phường, thị trấn cũng cần có sự điều chỉnh cho thống nhất khi áp dụng các chính sách, chế độ hỗ trợ với tên gọi địa giới hành chính mới...

Chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một tuy đã hạn chế đối tượng thu hút, tổ chức tốt việc sơ tuyển trước khi tuyển dụng... Tuy nhiên, với số lượng đã được tuyển dụng, thu hút, cử đi đào tạo của trường trong những năm qua thì việc tiếp tục thực hiện thu hút người có trình độ thạc sĩ không còn phù hợp và không cần thiết. Do vậy, căn cứ tình hình thực tế của trường cần thu hẹp đối tượng thu hút, không thu hút thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi như chính sách hiện hành.

Nhằm khắc phục những hạn chế của các chính sách hiện hành, bổ sung một số chính sách, chế độ đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực trong tình hình mới, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương để thay thế cho Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 09/12/2011 và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24/7/2014 là cần thiết. Nghị quyết mới được xây dựng trên cơ sở rà soát, hợp nhất các chính sách, chế độ về đào tạo, thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được ban hành tại 02 Nghị quyết nêu trên.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết mới với các chính sách, chế độ đãi ngộ, hỗ trợ nhằm duy trì và ổn định nguồn nhân lực; thu hút người có trình độ, năng lực vào làm việc trong khu vực công; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức có môi trường làm việc, học tập thuận lợi để nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp, gắn bó lâu dài với địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng Nghị quyết mới xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kế thừa những chính sách, chế độ hiện hành còn phù hợp; điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ những quy định thực hiện không hiệu quả; đồng thời tiến hành rà soát, hợp nhất các chính sách, chế độ được ban hành ở nhiều văn bản thành một văn bản quy định chung tạo thuận lợi cho việc áp dụng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: Đề nghị xây dựng Nghị quyết

Trước khi xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các sở, ngành có liên quan tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hiện hành; xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Trên cơ sở đó, xác định những vấn đề bất cập, những nội dung cần xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. Cùng với các báo cáo nêu trên, xây dựng dự thảo Đề cương của chính sách mới để thay thế cho các chính sách hiện hành. Các báo cáo và dự thảo Đề cương nêu trên được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và gửi đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp là đối tượng chịu sự tác động của chính sách cho ý kiến góp ý. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn chỉnh các dự thảo gửi đến Sở Tư pháp thẩm định. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, các văn bản đã được điều chỉnh, bổ sung theo báo cáo thẩm định để trình UBND tỉnh xem xét. UBND tỉnh đã tổ chức phiên họp và thống nhất trình Thường trực HĐND tỉnh xin chủ trương cho xây dựng Nghị quyết mới để thay cho chính sách hiện hành. Căn cứ đề nghị của UBND tỉnh tại tờ trình số 1597/TTr-UBND ngày 28/4/2017, Thường trực HĐND tỉnh có công văn số 113/HĐND-VP ngày 09/5/2017 chấp thuận cho xây dựng Nghị quyết về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

- Giai đoạn 2: Soạn thảo, thông qua Nghị quyết

Sau khi được sự chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao cho Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết và gửi đến các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến góp ý. Dự thảo Nghị quyết cũng được gửi đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh để cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến. Trên cơ sở góp ý của các cơ quan, đơn vị, cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý, đồng thời hoàn chỉnh lại dự thảo. Toàn bộ hồ sơ dự thảo chính sách bao gồm: Dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình UBND tỉnh, báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và các tài liệu khác có liên quan được gửi đến Sở Tư pháp thẩm định và đã được UBND tỉnh thống



nhất thông qua tại phiên họp tháng 6/2019 để trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết bao gồm Nghị quyết và Quy định kèm theo Nghị quyết. Quy định kèm theo Nghị quyết gồm có 04 chương với 27 điều. Cụ thể là:

- Chương I: Quy định về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng (có 09 điều, từ điều 1 đến điều 9).

- Chương II: Chính sách thu hút nguồn nhân lực (có 07 điều, từ điều 10 đến điều 16).

- Chương III: Các chế độ hỗ trợ (có 09 điều, từ điều 17 đến điều 25).

- Chương IV: Nguồn kinh phí thực hiện và quy định chuyển tiếp (có 02 điều, từ điều 26 đến điều 27).

2. Nội dung cơ bản

Nội dung cơ bản của chính sách gồm:

a) Chế độ hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng

- Đối tượng áp dụng;

- Phạm vi và điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng;

- Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng khi đi học ở trong nước;

- Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng khi đi học ở nước ngoài;

- Chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp;

- Chế độ khuyến khích tự đào tạo sau khi tốt nghiệp.

b) Chế độ thu hút nguồn nhân lực

- Phạm vi, hình thức, đối tượng, điều kiện thu hút, thời gian phục vụ và nghĩa vụ của người được thu hút.

- Chế độ thu hút:

- + Chế độ thu hút đối với hình thức mời trực tiếp;

- + Chế độ thu hút đối với hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế.

c) Các chế độ hỗ trợ

- Hỗ trợ lương khởi điểm trong thời gian tập sự;

- Hỗ trợ thuê nhà ở và hỗ trợ khác;

- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học;

- Hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập;

- Hỗ trợ cho bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế;

- Hỗ trợ cho viên chức y tế học đường;

- Hỗ trợ cho công chức, viên chức ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có trình độ sau đại học;

- Hỗ trợ cho công chức, viên chức được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế, Giáo dục và Đào tạo;

- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

d) Nguồn kinh phí thực hiện và điều khoản chuyển tiếp

- Nguồn kinh phí thực hiện;

- Điều khoản chuyển tiếp.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

Gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương;

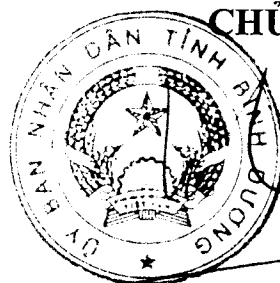
2. Báo cáo thẩm định và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

3. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức.

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NV, TP;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT, H. q

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

Số: /2019/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2019

Dự thảo 5

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2019 của UBND tỉnh về xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-PC ngày tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương (có Quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII - kỳ họp thứ 3 về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII - kỳ họp thứ 12 về chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2019./.

Nơi nhận.[#]

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính; Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- LĐVP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố TDM;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website Bình Dương;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật - Sở Tư pháp;
- Chuyên viên VP: ĐĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

**Về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng
nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày....tháng....
.....năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I

QUY ĐỊNH VỀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Mục 1

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG TRONG NƯỚC

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức Hội được giao biên chế; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc diện quy hoạch cán bộ và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các ngành, các cấp.
2. Cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng, an ninh; cán bộ ấp, khu phố được cử đi bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ theo chức danh.
3. Các doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên được phép vận dụng chính sách quy định tại văn bản này trong công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động ở đơn vị. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng do đơn vị chi trả.

Điều 2. Phạm vi và điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này được hưởng chế độ hỗ trợ khi được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng như sau:

1. Đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định.
2. Đào tạo về chuyên môn
 - a) Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số; theo các đề án, kế hoạch do trung ương, tỉnh ban hành hoặc theo yêu cầu chuẩn hóa về trình độ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
 - b) Đào tạo trình độ đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức ở một số ngành nghề đặc thù do còn thiếu nhân lực và cho cán bộ, công chức cấp tỉnh,

cấp huyện trong trường hợp cơ quan, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại mà không thể bố trí được công việc phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo trước đó;

c) Đào tạo sau đại học đối với công chức, viên chức các trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

d) Đào tạo trình độ tiến sĩ đối với viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một;

đ) Đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị còn lại (các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác; các tổ chức Hội được giao biên chế).

3. Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; kiến thức hội nhập quốc tế; tin học; ngoại ngữ; tiếng dân tộc (nếu có).

4. Điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

a) Điều kiện chung:

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; phù hợp với vị trí việc làm, quy định về thời gian công tác và quy hoạch cán bộ của cơ quan, đơn vị; ngành nghề đề nghị cử đi đào tạo sau đại học phải phù hợp với chuyên ngành đã tốt nghiệp đại học và các quy định khác về đào tạo, bồi dưỡng hiện hành của tỉnh.

b) Điều kiện cụ thể:

- Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác, các tổ chức Hội được giao biên chế khi cử đi đào tạo sau đại học phải tốt nghiệp đại học chính quy tập trung từ loại trung bình khá trở lên; đối với đại học vừa làm vừa học phải tốt nghiệp từ loại khá trở lên.

- Công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo đi học đúng chuyên ngành tại các Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TPHCM, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM, Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao TPHCM, Trường Đại học Thể dục Thể thao TPHCM, Trường Đại học Thủ Dầu Một.

- Công chức, viên chức chuyên môn y tế đi học đúng chuyên ngành tại các Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch,

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo và đơn vị y tế đã được cấp mã số đào tạo theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 3. Các mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy định này được hưởng chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng như sau:

1. Hỗ trợ đi học

a) Tại Hà Nội:

- Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 4.500.000 đồng/tháng/người.
- Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 150.000 đồng/ngày/người.

b) Tại các tỉnh, thành khác:

- Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 3.000.000 đồng/tháng/người.
- Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 100.000 đồng/ngày/người.

c) Trong tỉnh:

- Học tập trung từ 01 tháng trở lên: 1.500.000 đồng/tháng/người.
- Học không tập trung hoặc tập trung dưới 01 tháng: 50.000 đồng/ngày/người.

d) Người được cấp có thẩm quyền cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng được hưởng các chế độ hỗ trợ như trên thì không hưởng thêm chế độ hỗ trợ chi tiền ăn theo quy định của Trung ương.

đ) Người được cử tham dự các lớp tập huấn, đào tạo theo văn bản triệu tập của Trung ương, ngành thì hưởng chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

2. Các chi phí khác

a) Học phí:

- Học phí, giáo trình, y tế phí được thanh toán theo phiếu thu của nhà trường.
- Đối với các lớp đào tạo dài hạn mà cơ quan công tác cách xa trường từ 20 km trở lên phải ở nội trú thì được thanh toán theo phiếu thu của nhà trường; trường hợp không có phiếu thu thì được hỗ trợ tiền trọ 30.000 đồng/ngày/người. Đối với các lớp ngắn hạn dưới 01 tháng được thanh toán theo mức lưu trú dành cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác.

b) Tiền tàu xe:

- Học ở các tỉnh phía Bắc (từ Đà Nẵng trở ra): Được thanh toán 01 lần bắt đầu nhập học và 01 lần kết thúc khóa học và mỗi năm được thanh toán tiền đi về vào dịp hè và Tết nguyên đán 02 lần (04 lượt/năm). Trong đó:

+ Người có chức vụ từ Thường vụ huyện, thị ủy, thành ủy trở lên; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương trở lên; cán bộ, công chức là chuyên viên chính và các chức danh khác có mức lương từ hệ số 5,42 trở lên được thanh toán tiền vé máy bay.

+ Các đối tượng còn lại được thanh toán tiền vé tàu hỏa thông thường (vé nằm).

- Học ở các tỉnh còn lại mỗi tháng được thanh toán tiền vé xe công cộng 01 lần (02 lượt).

- Học trong tỉnh được thanh toán tiền vé xe công cộng mỗi tuần 01 lần (02 lượt) cho các trường hợp có cự ly từ cơ quan làm việc đến trường từ 20 km trở lên.

- Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ, người dân tộc thiểu số khi đi học các lớp có thời gian từ 01 tháng trở lên thì mỗi tháng học được cấp thêm 200.000 đồng/tháng/người.

c) Hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế:

- Cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi học các lớp trung cấp, cao cấp lý luận chính trị được hưởng chế độ hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế theo chế độ công tác phí hiện hành.

- Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế thì không được hưởng chế độ hỗ trợ đi học cho những ngày đi nghiên cứu thực tế.

Điều 4. Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp

1. Công chức, viên chức ngành y tế (Sở Y tế, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Phòng Y tế cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp y tế) đi học chuyên môn y tế; công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học nếu có làm luận văn tốt nghiệp thì được hỗ trợ với các mức như sau:

a) Ngành y tế:

- Tiến sĩ: 60.000.000 đồng.

- Thạc sĩ: 50.000.000 đồng.

- Chuyên khoa cấp II: 55.000.000 đồng.

- Chuyên khoa cấp I: 40.000.000 đồng.

b) Các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

- Tiến sĩ: 50.000.000 đồng.

- Thạc sĩ: 40.000.000 đồng.

2. Công chức, viên chức sau khi bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp và được cấp văn bằng chính thức đúng thời hạn quy định của khóa học thì cơ quan làm thủ tục gửi cơ quan tài chính cùng cấp để được giải quyết hỗ trợ, đồng thời gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ để tổng hợp. Hồ sơ đề nghị giải quyết gồm có:

- a) Đơn đề nghị của cá nhân;
- b) Quyết định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo phân cấp quản lý cử cán bộ, công chức, viên chức đi học;
- c) Văn bằng tốt nghiệp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);
- d) Giấy chứng nhận đăng ký luận văn - luận án sau đại học do Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương cấp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);
- đ) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi đang công tác;
- e) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

Điều 5. Chế độ khuyến khích tự đào tạo

1. Đối tượng và điều kiện được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo

- a) Chế độ khuyến khích tự đào tạo được áp dụng đối với:
 - Cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đi học từ trình độ đại học trở lên;
 - Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp y tế đi học từ trình độ đại học trở lên;
 - Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:
 - + Công chức, viên chức các trường Trung học cơ sở tốt nghiệp đại học hệ chính quy tập trung đi học thạc sĩ;
 - + Công chức, viên chức các trường Trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đi học sau đại học.
 - Viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một đi học tiến sĩ;
 - Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị còn lại (các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác, các tổ chức Hội được giao biên chế) đi học sau đại học.
- b) Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:
 - Tự túc kinh phí học tập cho toàn bộ khóa học;

- Chuyên ngành học phải phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; đối với đào tạo sau đại học, chuyên ngành học đồng thời phải phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo ở bậc đại học.

- Cam kết tiếp tục làm việc tại đơn vị cũ hoặc chấp hành theo sự phân công của tổ chức sau khi tốt nghiệp khóa học ít nhất là 05 năm.

- Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên, kể từ ngày được tuyển dụng; nam không quá 50 tuổi, nữ không quá 45 tuổi.

- Khi đi học phải có Quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền (đối với đi học ở nước ngoài); văn bản thỏa thuận với Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy và có quyết định cử đi học của thủ trưởng cơ quan (đối với đi học trong nước).

2. Các mức hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi tốt nghiệp các trường đào tạo trong nước, kể cả liên kết đào tạo với nước ngoài được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo theo các mức:

- Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.

- Thạc sĩ: 25.000.000 đồng.

- Chuyên khoa cấp II: 27.000.000 đồng.

- Chuyên khoa cấp I: 20.000.000 đồng.

- Đại học: 10.000.000 đồng.

b) Cán bộ, công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp các trường nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài) được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo theo các mức:

- Tiến sĩ: 100.000.000 đồng.

- Thạc sĩ: 50.000.000 đồng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi trúng tuyển phải làm hồ sơ thỏa thuận đi học diện tự túc kinh phí. Hồ sơ thỏa thuận gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ. Căn cứ đề nghị của các cơ quan, Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ có văn bản thỏa thuận. Hồ sơ thỏa thuận khi đi học gồm có:

a) Đơn đề nghị của cá nhân về việc đi học tự túc kinh phí đào tạo;

b) Thông báo chiêu sinh khóa đào tạo;

c) Thông báo/Giấy báo trúng tuyển của cơ sở đào tạo;

d) Văn bản của cơ quan nơi đang công tác đề nghị thỏa thuận cử cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đi học tự túc kinh phí (trong văn bản nêu rõ họ tên, năm sinh, giới tính, thời gian công tác, chức vụ/chức danh, trình độ chuyên môn hiện có; công việc đang đảm nhận; ngành học, trường/cơ sở đào tạo, hình thức đào tạo).

đ) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

4. Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã sau khi tốt nghiệp khóa học thì làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo gửi về cơ quan tài chính cùng cấp để được giải quyết, đồng thời báo cáo về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ để tổng hợp. Hồ sơ đề nghị hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo sau khi tốt nghiệp gồm có:

a) Đơn đề nghị hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo kèm theo văn bằng tốt nghiệp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);

b) Giấy chứng nhận đăng ký luận văn - luận án sau đại học do Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương cấp (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);

c) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi đang công tác;

d) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có);

đ) Văn bản thỏa thuận của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ.

Mục 2

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Các khoản chi phí đào tạo ở nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo toàn phần ở nước ngoài được tính chi các khoản như sau:

1. Học phí và các khoản chi liên quan đến học phí (theo thông báo của các cơ sở đào tạo nước ngoài).

2. Sinh hoạt phí bao gồm: Tiền ăn, ở, chi phí đi lại hàng ngày, tiền tài liệu và đồ dùng học tập.

3. Bảo hiểm y tế (mức bảo hiểm y tế tối thiểu áp dụng chung cho lưu học sinh nước ngoài của nước sở tại).

4. Tiền vé máy bay hạng thường 01 lượt từ Việt Nam đến nơi học tập và 01 lượt từ nơi học tập về Việt Nam cho cả khóa học.

5. Chi phí đi đường được cấp 01 lần cho suốt quá trình học tập.

6. Chi phí làm thủ tục xuất nhập cảnh (hộ chiếu, visa).

7. Lệ phí ghi danh.

8. Phí chuyển và nhận tiền qua ngân hàng (nếu có) theo quy định hiện hành.

9. Chi khen thưởng:

a) Trường hợp hoàn thành chương trình học tập với kết quả xuất sắc trước thời gian quy định ghi trong quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền và có xác nhận của cơ sở đào tạo nước ngoài sẽ được hưởng 50% số tiền sinh hoạt phí của thời gian hoàn thành trước hạn.

b) Trường hợp đạt kết quả học tập xuất sắc được cơ sở đào tạo ở nước ngoài miễn hoặc giảm học phí, có giấy báo của cơ sở đào tạo nước ngoài sẽ được hưởng 50% số tiền được miễn hoặc giảm và được cấp một lần vào năm được miễn, giảm học phí.

10. Chi hỗ trợ rủi ro, bất khả kháng xảy ra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian học ở nước ngoài (xem xét đối với từng trường hợp cụ thể).

Các khoản chi nêu trên được thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương về chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 7. Các khoản chi phí cho các khóa đào tạo ở nước ngoài có thời gian học trong nước

Cán bộ, công chức, viên chức được tỉnh cử đi đào tạo có thời gian học trong nước và thời gian học, thực tập ở nước ngoài thì thời gian học ở trong nước được tính chi các khoản như sau:

1. Học phí và các khoản chi liên quan đến học phí.
2. Sinh hoạt phí tùy theo trình độ đào tạo cho thời gian đào tạo tại Việt Nam theo mức hỗ trợ học tập như đối với lưu học sinh theo chương trình đào tạo phối hợp hoặc chi hỗ trợ đối với trường hợp đào tạo ngoại ngữ trong nước.
3. Chi phí các kỳ thi đánh giá kết quả học tập theo yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có).

Điều 8. Các khoản chi phí đối với các lớp đào tạo liên kết với nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo các khóa học liên kết với nước ngoài có thời gian học toàn phần tại Việt Nam được tính chi các khoản như sau:

1. Học phí và các khoản liên quan đến học phí.
2. Hỗ trợ đi học theo các mức quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 9. Chế độ hỗ trợ diện được học bổng

1. Cán bộ, công chức, viên chức được học bổng toàn phần do Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và các học bổng khác được Chính phủ Việt Nam cho phép để tài trợ chi phí cho toàn bộ khóa học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài, không sử dụng ngân sách Nhà nước thì được hỗ trợ thêm hàng tháng bằng 50% mức sinh hoạt phí toàn phần tùy thuộc vào nước đến học tập theo quy định hiện

hành của Trung ương về chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ, người dân tộc thiểu số khi đi học được cấp thêm 50 đô la Mỹ/tháng/người.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ hỗ trợ của tỉnh phải cam kết tiếp tục làm việc tại đơn vị cũ hoặc chấp hành sự phân công của cơ quan có thẩm quyền công tác tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh ít nhất là 05 năm đối với trình độ thạc sĩ và 10 năm đối với trình độ tiến sĩ. Trường hợp không công tác đủ thời gian quy định thì phải hoàn trả số tiền hỗ trợ đã nhận tương ứng với tỷ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác.

3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được học bổng đi đào tạo ở nước ngoài nếu sinh hoạt phí thấp hơn mức sinh hoạt phí Nhà nước quy định thì được cấp bù phần chênh lệch.

4. Hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ hỗ trợ diện được học bổng bao gồm:

- a) Đơn đề nghị được hưởng chế độ hỗ trợ diện được học bổng; văn bằng tốt nghiệp (bản photocopy kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao y từ bản chính);
- b) Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền;
- c) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi đang công tác;
- d) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

Chương II **CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC**

Mục 1 **PHẠM VI, HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN THU HÚT**

Điều 10. Phạm vi thu hút

Chính sách thu hút nguồn nhân lực được áp dụng đối với:

1. Các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện.
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành y tế và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế.
3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.
4. Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 11. Hình thức và đối tượng thu hút

1. Thu hút theo hình thức mời trực tiếp các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề để phục vụ cho yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh.

2. Thu hút theo hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế:

a) Ngành y tế và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế:

- Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú;
- Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I;
- Bác sĩ đa khoa, bác sĩ răng hàm mặt chính quy (hệ đào tạo 06 năm);
- Cử nhân, kỹ sư chuyên ngành Bảo trì trang thiết bị y tế hoặc Vật lý Kỹ thuật Y sinh (chuyên ngành Bảo trì thiết bị y tế).

b) Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương

- Tiến sĩ - Giảng viên chính, Tiến sĩ;
- Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú;
- Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I.

c) Trường Đại học Thủ Dầu Một:

- Giáo sư;
- Phó Giáo sư;
- Tiến sĩ - Giảng viên chính;
- Tiến sĩ.

d) Các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập:

- Người tốt nghiệp sau đại học các trường trong nước:
 - + Tiến sĩ;
 - + Thạc sĩ tốt nghiệp có điểm trung bình chung các môn học từ 8,0 trở lên, không có môn nào dưới 7 và điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp từ 9 trở lên các trường trong nước.
- Người tốt nghiệp đại học, sau đại học các cơ sở đào tạo ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài):
 - + Tiến sĩ;
 - + Thạc sĩ loại giỏi, xuất sắc theo xếp hạng/phân loại của các cơ sở giáo dục ở nước ngoài;
 - + Đại học loại giỏi, loại xuất sắc.

- Người tốt nghiệp thủ khoa, loại xuất sắc, loại giỏi hệ chính quy tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học công lập ở trong nước.

Điều 12. Điều kiện thu hút

1. Người được thu hút có trình độ chuyên môn thuộc các ngành, nghề, lĩnh vực tỉnh có nhu cầu, phù hợp với vị trí việc làm, biên chế được giao và theo danh mục, số lượng thu hút do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm; chấp hành sự phân công, bố trí của cơ quan có thẩm quyền. Riêng đối với chuyên môn y tế phải thông qua sát hạch của Hội đồng xét tuyển do Sở Y tế tỉnh Bình Dương thành lập trước khi được tuyển dụng chính thức.

2. Về văn bằng

a) Đối với ngành Y tế: Bác sĩ đa khoa, bác sĩ răng hàm mặt và bác sĩ có trình độ sau đại học (trước đó phải tốt nghiệp bác sĩ hệ chính quy 06 năm) tốt nghiệp từ các trường Đại học: Y Hà Nội, Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Y Dược Huế, Y Dược Cần Thơ, Y khoa Phạm Ngọc Thạch vừa mới tốt nghiệp hoặc đã có thời gian công tác liên tục tại các cơ sở y tế công lập có giường bệnh và được bố trí vị trí việc làm là bác sĩ điều trị.

b) Đối với các ngành còn lại: Người được thu hút có trình độ sau đại học trước đó phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy các trường đại học công lập đạt từ loại khá trở lên, chuyên ngành sau đại học phải phù hợp với ngành đã tốt nghiệp đại học.

c) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận.

3. Về độ tuổi

a) Thu hút theo hình thức tiếp nhận:

- Giáo sư, Phó Giáo sư: Không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ;

- Tiến sĩ: Không quá 50 tuổi đối với nam và nữ.

- Bác sĩ chuyên khoa cấp II: Không quá 40 tuổi;

- Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Bác sĩ nội trú: Không quá 35 tuổi;

- Bác sĩ: Không quá 30 tuổi. Đối với bác sĩ được thu hút về công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế thì không quá 40 tuổi.

b) Thu hút theo hình thức tuyển dụng: Độ tuổi theo quy định về thi tuyển, xét tuyển nhưng phải đảm bảo thời gian công tác sau khi tuyển dụng ít nhất phải bằng thời gian phục vụ khi được hưởng chế độ thu hút.

c) Những trường hợp đặc biệt như chuyên gia đầu ngành, người có nhiều kinh nghiệm, trình độ tay nghề cao, các chuyên khoa hiếm (ngành y tế)...thì độ tuổi có thể cao hơn quy định và do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 13. Thời gian phục vụ

1. Người được thu hút về công tác trong ngành y tế phải cam kết công tác tại các cơ sở y tế ít nhất 10 năm nếu đã được cấp chứng chỉ hành nghề hoặc 12 năm nếu chưa được cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Người được thu hút về công tác tại Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế phải cam kết công tác tại tỉnh ít nhất là 10 năm.

3. Người được thu hút về công tác các ngành còn lại phải cam kết công tác tại tỉnh ít nhất là 05 năm.

4. Những trường hợp đặc biệt cần phải thu hút nhưng người được thu hút không còn đủ thời gian cam kết phải phục vụ theo quy định thì chế độ thu hút được hưởng tương ứng với thời gian công tác còn lại.

5. Đối với người được thu hút theo hình thức mời trực tiếp, thời gian phục vụ do các bên thống nhất tùy theo từng trường hợp cụ thể khi ký kết.

Điều 14. Nghĩa vụ của người được thu hút

1. Người được thu hút về tỉnh công tác có nghĩa vụ thực hiện đúng thời hạn cam kết phục vụ; chịu sự quản lý và phân công, bố trí công tác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong thời gian thực hiện cam kết nếu cá nhân có nguyện vọng chuyển công tác hợp lý sẽ được xem xét giải quyết và cá nhân phải bồi hoàn lại số tiền tương ứng theo tỷ lệ thời gian chưa thực hiện theo cam kết.

3. Trong thời gian cam kết phục vụ mà tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, chuyển công tác mà không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, không hoàn thành nhiệm vụ theo đánh giá của cơ quan, đơn vị trong thời gian 02 năm liên tiếp hoặc các trường hợp khác do lỗi chủ quan của người được thu hút thì phải bồi hoàn số tiền thu hút đã nhận theo tỷ lệ thời gian cam kết phục vụ trừ đi thời gian đã công tác. Thời hạn hoàn trả là 03 tháng kể từ khi có quyết định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền. Nếu không hoàn trả trong thời hạn quy định, cơ quan, đơn vị sẽ lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 2

CHẾ ĐỘ THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 15. Chế độ thu hút đối với hình thức mời trực tiếp

1. Người được thu hút theo hình thức mời trực tiếp, khi về tỉnh công tác được hưởng các chế độ đãi ngộ:

- a) Hưởng chế độ thu hút 01 lần ngay sau khi về công tác;
- b) Được bố trí nhà ở hoặc trả tiền thuê nhà ở khi có nhu cầu thực tế;
- c) Được hỗ trợ thêm ngoài tiền lương hàng tháng;

d) Được hỗ trợ chi phí đi lại từ nơi ở đến nơi làm việc.

2. Căn cứ yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và đề nghị của các cơ quan, đơn vị, tỉnh thành lập Hội đồng Tư vấn (Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Tư vấn) để tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục ngành nghề, số lượng, chế độ thu hút và các chế độ đãi ngộ khác (hỗ trợ hàng tháng, nhà ở...) cho từng trường hợp cụ thể khi thu hút.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thu hút các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề để phục vụ cho yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh.

a) Hình thức mời trực tiếp:

- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút trực tiếp mời các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề gửi công văn đề nghị kèm theo 01 bộ hồ sơ quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này về Sở Nội vụ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị và hồ sơ kèm theo của các cơ quan, đơn vị (tính theo dấu bưu điện nếu gửi qua đường bưu điện hoặc dấu công văn đến trong trường hợp gửi trực tiếp), Sở Nội vụ có văn bản gửi các thành viên Hội đồng Tư vấn để nghiên cứu (kèm theo công văn và hồ sơ của cơ quan, đơn vị đề nghị).

- Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn để thống nhất trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ có văn bản trình Tỉnh ủy (đối với thu hút về các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể), Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với thu hút về các cơ quan hành chính, sự nghiệp) xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này do Sở Nội vụ trình, Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hút hoặc có công văn trả lời trong trường hợp không chấp thuận.

- Người được thu hút nhận Quyết định thu hút hoặc công văn trả lời qua đường bưu điện.

b) Hình thức cá nhân liên hệ theo danh mục thu hút của tỉnh:

- Căn cứ danh mục thu hút do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm, các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút phải gửi công văn đề nghị kèm theo hồ sơ của người thu hút về Sở Nội vụ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị và hồ sơ kèm theo của các cơ quan, đơn vị (tính theo dấu bưu điện nếu gửi qua đường bưu điện hoặc dấu công văn đến trong trường hợp gửi trực tiếp), Sở Nội vụ có văn bản gửi các thành viên Hội đồng Tư vấn đề nghiên cứu (kèm theo công văn và hồ sơ của cơ quan, đơn vị đề nghị).

- Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày gửi hồ sơ đến các thành viên Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ tổ chức cuộc họp Hội đồng Tư vấn để thống nhất trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng Tư vấn, Sở Nội vụ có văn bản trình Tỉnh ủy (đối với thu hút về các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể), Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với thu hút về các cơ quan hành chính, sự nghiệp) xem xét, quyết định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này do Sở Nội vụ trình, Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hút hoặc có công văn trả lời trong trường hợp không chấp thuận.

- Người được thu hút nhận Quyết định thu hút hoặc công văn trả lời qua đường bưu điện.

4. Hồ sơ

a) Hồ sơ của người được thu hút

- Hình thức mời trực tiếp:

+ Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận...(bản chứng thực sao y) của người được đề nghị thu hút;

+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản chứng thực sao y);

+ Bản chính tóm tắt các công trình, đề tài, đề án đã công bố hoặc tham gia;

+ Bản chính tóm tắt quá trình công tác/hoạt động của cá nhân.

- Hình thức cá nhân liên hệ theo danh mục thu hút của tỉnh:

+ Văn bản đề nghị của cá nhân;

+ Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận...(bản chứng thực sao y) của người được đề nghị thu hút.

+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản chứng thực sao y);

+ Bản chính tóm tắt các công trình, đề tài, đề án đã công bố hoặc tham gia.

+ Bản chính tóm tắt quá trình công tác/hoạt động của cá nhân.

- b) Hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định
 - + Công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút;
 - + Hồ sơ cá nhân của người được thu hút theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này;
 - + Biên bản họp của Hội đồng Tư vấn;
 - + Công văn của Sở Nội vụ trình Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Chế độ thu hút đối với hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế

1. Ngành y tế và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế

Thu hút về các cơ sở điều trị đa khoa, chuyên khoa công lập, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một; các cơ quan quản lý nhà nước về y tế (Sở Y tế, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình), Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng bác sĩ:

- a) Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú: 600.000.000 đồng;
- b) Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I: 500.000.000 đồng;
- c) Bác sĩ đa khoa, bác sĩ răng hàm mặt:
 - Tốt nghiệp loại giỏi trở lên: 450.000.000 đồng;
 - Tốt nghiệp loại khá: 420.000.000 đồng;
 - Tốt nghiệp loại trung bình, trung bình khá: 400.000.000 đồng.
- d) Cử nhân, kỹ sư chuyên ngành Bảo trì trang thiết bị y tế hoặc Vật lý Kỹ thuật Y sinh (chuyên ngành bảo trì thiết bị y tế): 50.000.000 đồng.

2. Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương

Người có chuyên môn về y tế khi được thu hút về Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương được hưởng chế độ thu hút:

- a) Tiến sĩ - Giảng viên chính: 600.000.000 đồng;
- b) Tiến sĩ: 550.000.000 đồng;
- c) Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Bác sĩ nội trú: 500.000.000 đồng;
- d) Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I: 450.000.000 đồng.

3. Trường Đại học Thủ Dầu Một

- a) Giáo sư: 300.000.000 đồng;
- b) Phó Giáo sư: 250.000.000 đồng;
- c) Tiến sĩ - Giảng viên chính: 200.000.000 đồng;

d) Tiền sĩ: 180.000.000 đồng.

4. Các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

a) Tiền sĩ:

- Tốt nghiệp các trường trong nước: 30.000.000 đồng;

- Tốt nghiệp các trường ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài): 40.000.000 đồng.

b) Thạc sĩ:

- Tốt nghiệp có điểm trung bình chung các môn học từ 8,0 trở lên, không có môn nào dưới 7 và điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp từ 9 trở lên các trường trong nước: 20.000.000 đồng;

- Tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc theo xếp hạng/phân loại của các cơ sở giáo dục ở nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài): 25.000.000 đồng.

c) Trình độ đại học:

- Người tốt nghiệp loại giỏi, loại xuất sắc các cơ sở đào tạo ở nước ngoài: 15.000.000 đồng;

- Người tốt nghiệp thủ khoa hệ chính quy tại các cơ sở đào tạo công lập ở trong nước: 10.000.000 đồng;

- Người tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc hệ chính quy các cơ sở đào tạo công lập ở trong nước: 5.000.000 đồng.

5. Hồ sơ đề nghị chế độ thu hút đối với hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế, gồm có:

a) Đơn đề nghị hưởng chế độ thu hút, trong đó có cam kết phục vụ theo đúng thời hạn quy định đính kèm văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm của khóa đào tạo (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y);

b) Quyết định tuyển dụng/tiếp nhận của cấp có thẩm quyền;

c) Văn bản đề nghị của cơ quan nơi được tuyển dụng/tiếp nhận về công tác;

d) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản (nếu có).

Hồ sơ đề nghị gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Sở Nội vụ theo phân cấp quản lý cán bộ. Căn cứ đề nghị của các cơ quan, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết chế độ thu hút.

Chương III **CÁC CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ**

Mục 1 **CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHUNG**

Điều 17. Hỗ trợ lương khởi điểm trong thời gian tập sự

Người có bằng tốt nghiệp đại học chính quy, sau đại học trong nước (có bằng đại học chính quy phù hợp với chuyên ngành); đại học và sau đại học ở nước ngoài khi tuyển dụng mới vào một ngạch công chức, viên chức được hỗ trợ thêm cho đủ 100% lương bậc khởi điểm trong thời gian tập sự.

Điều 18. Chế độ hỗ trợ thuê nhà ở và hỗ trợ khác

1. Người được thu hút về công tác trong Ngành Y tế, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Cao đẳng Y tế Bình Dương, trừ đối tượng được thu hút theo hình thức mời trực tiếp, được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tiền thuê nhà bằng 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng đối với người có thuê nhà thực tế.

b) Người được thu hút là nữ, người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 năm, kể từ ngày đến nhận công tác.

3. Hồ sơ đề nghị thanh toán hỗ trợ tiền thuê nhà gồm có:

a) Đơn đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ tiền thuê nhà (có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan);

b) Hợp đồng thuê nhà theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Bản photocopy hộ khẩu kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y;

d) Sổ đăng ký tạm trú, tạm vắng (bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản chứng thực sao y).

Mục 2

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

Điều 19. Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học (Trừ viên chức sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã)

1. Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học công tác tại các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, hành chính, đơn vị sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao, sự nghiệp khác, các tổ chức Hội được giao biên chế và người được thu hút về công tác ở các cơ quan nêu trên tại tỉnh Bình Dương được hỗ trợ hàng tháng theo các mức:

a) Tiến sĩ: 0,7 lần mức lương cơ sở;

b) Thạc sĩ, chuyên khoa cấp II: 0,5 lần mức lương cơ sở;

c) Chuyên khoa cấp I: 0,3 lần mức lương cơ sở.

2. Cán bộ, công chức, viên chức sau 05 năm được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải có nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành công việc, sự đóng góp vào kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị đối với từng cá nhân và có văn bản gửi Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy để được tiếp tục hưởng chế độ hỗ trợ hoặc ngừng giải quyết chế độ hỗ trợ. Từ năm thứ 6 trở đi, mỗi năm đánh giá một lần để làm căn cứ xem xét giải quyết chế độ hỗ trợ; văn bản đánh giá gửi về Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 20. Hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập

Công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập được hỗ trợ hàng tháng theo các mức sau:

1. Công tác tại Trạm Y tế, Phòng khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các xã:

- a) Trình độ sau đại học: 3,0 lần mức lương cơ sở;
- b) Trình độ đại học: 2,5 lần mức lương cơ sở;
- c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 1,0 lần mức lương cơ sở;
- d) Trình độ sơ cấp: 0,5 lần mức lương cơ sở.

2. Công tác tại Trạm Y tế, Phòng Khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các phường, thị trấn thuộc thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên, huyện Dầu Tiếng, huyện Phú Giáo, huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên:

- a) Trình độ sau đại học: 2,5 lần mức lương cơ sở;
- b) Trình độ đại học: 2,0 lần mức lương cơ sở;
- c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,7 lần mức lương cơ sở;
- d) Trình độ sơ cấp: 0,3 lần mức lương cơ sở.

3. Công tác tại Trạm Y tế, Phòng khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các phường thuộc thị xã Thuận An, thị xã Dĩ An và thành phố Thủ Dầu Một:

- a) Trình độ sau đại học: 2,0 lần mức lương cơ sở;
- b) Trình độ đại học: 1,5 lần mức lương cơ sở;
- c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,5 lần mức lương cơ sở.

4. Công tác tại các cơ sở điều trị đa khoa, chuyên khoa công lập, Trung tâm Y tế huyện, thị xã, Thành phố Thủ Dầu Một, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ:

- a) Trình độ sau đại học:

- Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, tiến sĩ y khoa: 3,5 lần mức lương cơ sở;

- Thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I: 3,0 lần mức lương cơ sở;

- Các chức danh chuyên môn y tế có trình độ sau đại học còn lại: 2,2 lần mức lương cơ sở.

b) Trình độ đại học:

- Bác sĩ: 2,0 lần mức lương cơ sở;

- Các chức danh chuyên môn y tế có trình độ đại học còn lại: 1,5 lần mức lương cơ sở.

c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,7 lần mức lương cơ sở.

5. Công tác tại các cơ sở y tế công lập khác:

a) Trình độ sau đại học:

- Bác sĩ nội trú, Bác sĩ chuyên khoa cấp II: 2,5 lần mức lương cơ sở;

- Thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I: 2,2 lần mức lương cơ sở;

- Các chức danh chuyên môn y tế có trình độ sau đại học còn lại: 1,8 lần mức lương cơ sở.

b) Trình độ đại học:

- Bác sĩ: 2,0 lần mức lương cơ sở;

- Các chức danh chuyên môn y tế còn lại: 1,0 lần mức lương cơ sở;

c) Trình độ cao đẳng, trung học và lương y: 0,5 lần mức lương cơ sở.

6. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên môn y tế là 05 năm.

Điều 21. Hỗ trợ cho bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn về y tế

1. Hỗ trợ thâm niên

Bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và có thời gian công tác đủ 5 năm (60 tháng, không kể thời gian tập sự) thì được hưởng chế độ hỗ trợ thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có); từ năm thứ 06 trở đi, mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%. Hỗ trợ thâm niên được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Hỗ trợ một lần

a) Hỗ trợ một lần cho bác sĩ đa khoa, chuyên khoa, bác sĩ răng hàm mặt (trước đó tốt nghiệp hệ chính quy 06 năm) là viên chức đang công tác tại khối

điều trị tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Công tác chưa đủ hoặc đủ 05 năm (tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng đến thời điểm quy định này có hiệu lực): 100.000.000 đồng;

- Công tác từ trên 05 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng.

b) Đối tượng quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này có thời gian công tác còn lại không đủ 10 năm thì mỗi năm công tác còn lại được hỗ trợ 20.000.000 đồng nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng.

c) Điều kiện:

- Người được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này phải cam kết tiếp tục phục vụ đủ 10 năm. Trường hợp đang được hưởng chính sách thu hút nhưng chưa phục vụ đủ thời gian quy định thì thời gian phải phục vụ bao gồm thời gian còn lại chưa phục vụ của chế độ hỗ trợ hiện hưởng cộng với thời gian phải phục vụ khi hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Điều này. Người được hưởng chế độ hỗ trợ nếu không phục vụ đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn lại mỗi năm 10.000.000 đồng.

- Người được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này không phục vụ đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn lại số tiền tương ứng theo tỷ lệ thời gian chưa thực hiện theo cam kết.

Điều 22. Hỗ trợ cho viên chức y tế học đường

1. Chế độ hỗ trợ

a) Viên chức y tế có trình độ bác sĩ hoặc tương đương công tác ở các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Viên chức y tế có trình độ cao đẳng hoặc tương đương công tác ở các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Viên chức y tế có trình độ trung cấp, y sĩ hoặc tương đương công tác ở các cơ sở giáo dục - đào tạo công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

2. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 năm.

Điều 23. Hỗ trợ cho công chức, viên chức ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có trình độ sau đại học

1. Đối tượng

Công chức, viên chức có trình độ sau đại học được bố trí việc làm phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Mức hỗ trợ

- a) Tiến sĩ: 2,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng;
- b) Thạc sĩ, chuyên khoa cấp II: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng;
- c) Chuyên khoa cấp I: 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

3. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ là 05 năm.

Điều 24. Hỗ trợ cho công chức, viên chức được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế, Giáo dục và Đào tạo

1. Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trên địa bàn tỉnh nếu được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành y tế gồm: Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một được hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đang hưởng tại thời điểm điều động.

2. Công chức, viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh nếu được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngành giáo dục - đào tạo gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một được hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi đang hưởng tại thời điểm điều động.

3. Thời gian hưởng chế độ hỗ trợ là 03 năm kể từ ngày nhận quyết định điều động.

Điều 25. Hỗ trợ cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Đối tượng áp dụng:

Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, kể cả đối tượng tạo nguồn của tỉnh hiện đang công tác ở cấp xã có trình độ đại học, sau đại học.

2. Các mức hỗ trợ:

a) Các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều này trong trường hợp không hưởng chế độ đào tạo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Công tác tại các xã:

+ Trình độ đại học: 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 1,1 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Công tác tại các phường, thị trấn:

+ Trình độ đại học: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 0,9 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều này trong trường hợp hưởng chế độ đào tạo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Công tác tại các xã:

+ Trình độ đại học: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 0,9 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Công tác tại các phường, thị trấn:

+ Trình độ đại học: 0,4 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Trình độ sau đại học: 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này nếu tốt nghiệp đại học hệ chính quy được hưởng thêm 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng; người có nhiều văn bằng khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ đối với văn bằng cao nhất.

Chương IV

NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

Điều 26. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do ngân sách nhà nước cấp; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức tự túc, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm.

3. Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố do ngân sách nhà nước cấp.

4. Kinh phí thực hiện thu hút nguồn nhân lực do ngân sách nhà nước cấp.

5. Kinh phí hỗ trợ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 27. Quy định chuyển tiếp

1. Cán bộ công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cán bộ ấp, khu phố đã được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thì hành mà khóa học chưa kết thúc thì tiếp tục được hưởng các chế độ hỗ trợ đi học theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp

Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thì hành mà chưa tốt nghiệp thì sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo theo đúng thời gian quy định được hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp với các mức như sau:

a) Các ngành y tế, xây dựng, kiến trúc, công nghệ thông tin:

- Tiến sĩ: 60.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 50.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp II: 55.000.000 đồng.
- Chuyên khoa cấp I: 40.000.000 đồng.
- Có bằng chuyên khoa cấp I học Thạc sĩ: 28.000.000 đồng.
- Có bằng chuyên khoa cấp II học Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.

b) Các ngành còn lại:

- Tiến sĩ: 50.000.000 đồng.
- Thạc sĩ: 40.000.000 đồng.

3. Cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã được cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa tốt nghiệp thì sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo theo đúng thời gian quy định được giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo theo các mức:

- a) Tiến sĩ: 30.000.000 đồng.
- b) Thạc sĩ: 25.000.000 đồng.
- c) Chuyên khoa cấp II: 27.000.000 đồng.
- d) Chuyên khoa cấp I: 20.000.000 đồng.
- đ) Đại học: 10.000.000 đồng.

4. Cán bộ quản lý, nhà giáo thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nếu được điều động về phụ trách công tác dạy nghề tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng bằng mức phụ cấp ưu đãi đang hưởng đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy tại thời điểm điều động đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà hưởng chưa đủ 03 năm thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ này cho đủ 03 năm.

5. Ngoài các chế độ hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này, cán bộ, công chức, viên chức đang được hưởng các chế độ hỗ trợ khác nhưng đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa hưởng đủ thời gian quy định thì tiếp tục được hưởng cho đến khi đủ thời gian theo Quy định này. Trường hợp đã hưởng các chế độ hỗ trợ đủ thời gian quy định thì không được hưởng chế độ hỗ trợ theo Quy định này./.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1911* /TTr-SNV

Bình Dương, ngày *27* tháng *6* năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng
nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 09/12/2011, HĐND tỉnh khóa VIII (kỳ họp thứ 3) ban hành Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 phê chuẩn chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương; ngày 24/7/2014, HĐND tỉnh khóa VIII (kỳ họp thứ 12) ban hành Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 phê chuẩn chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Sau thời gian thực hiện, đến nay một số chính sách, chế độ cần xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương theo Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 là kết quả của quá trình thực hiện chủ trương thu hút, đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh được thực hiện từ năm 1998. Với nhiều chế độ hỗ trợ, thu hút đã góp phần duy trì sự ổn định, phát triển nguồn nhân lực, cải thiện đời sống và tạo động lực khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chính sách hiện hành còn tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện các Chương trình hành động của Tỉnh ủy và các đề án đảm bảo nguồn nhân lực của UBND tỉnh. Qua đó, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, nhất là đối với các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Đối với chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 thực



hiện từ ngày 01/01/2015 là sự kế thừa của các chính sách thu hút được ban hành từ khi thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một. Đối tượng thu hút về trường công tác theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 đã được thu hẹp; chỉ thu hút tiến sĩ và thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi. Việc thu hút có chọn lọc giúp cho chất lượng nhân lực thu hút được nâng lên đáp ứng yêu cầu giảng dạy của trường.

Bên cạnh những hiệu quả đạt được, chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện hành của tỉnh đã bộc lộ nhiều hạn chế, đồng thời phát sinh nhiều yếu tố tác động khác cần xem xét điều chỉnh. Hầu hết các chính sách hiện hành về thu hút, hỗ trợ đều căn cứ vào bằng cấp để giải quyết nên chưa đánh giá chính xác chất lượng của đối tượng được thu hút, hỗ trợ so với mục đích, yêu cầu đặt ra. Kết quả nghiên cứu của các luận văn/luận án tốt nghiệp sau đại học của cán bộ, công chức, viên chức không ứng dụng được vào thực tiễn công việc của ngành, địa phương, đơn vị nên chưa gắn việc đào tạo và ứng dụng trong thực tế. Việc thu hút nhân lực cho ngành y tế thực hiện không đạt hiệu quả do các mức thu hút, hỗ trợ chưa thật sự hấp dẫn. Một số chế độ hỗ trợ áp dụng cho các xã trên địa bàn của tỉnh trước đây được xác định là khó khăn, nay tình hình kinh tế - xã hội có sự thay đổi nên việc xác định các xã khó khăn không còn phù hợp; sự thay đổi địa giới, tên gọi hành chính một số huyện, phường, thị trấn cũng cần có sự điều chỉnh cho thống nhất khi áp dụng các chính sách, chế độ hỗ trợ với tên gọi địa giới hành chính mới...

Chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một tuy đã hạn chế đối tượng thu hút, tổ chức tốt việc sơ tuyển trước khi tuyển dụng... Tuy nhiên, với số lượng đã được tuyển dụng, thu hút, cử đi đào tạo của trường trong những năm qua thì việc tiếp tục thực hiện thu hút người có trình độ thạc sĩ không còn phù hợp và không cần thiết. Do vậy, căn cứ tình hình thực tế của trường cần thu hẹp đối tượng thu hút, không thu hút thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi như chính sách hiện hành.

Nhằm khắc phục những hạn chế của các chính sách hiện hành, bổ sung một số chính sách, chế độ đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực trong tình hình mới, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, Sở Nội vụ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương để thay thế cho Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 09/12/2011 và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24/7/2014. Dự thảo Nghị quyết mới được xây dựng trên cơ sở rà soát, hợp nhất các chính sách, chế độ về đào tạo, thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được ban hành tại 02 Nghị quyết nêu trên.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết với các chính sách, chế độ đãi ngộ, hỗ trợ nhằm duy trì và ổn định nguồn nhân lực; thu hút người có trình độ, năng lực vào làm việc trong khu vực công; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức có môi

trường làm việc, học tập thuận lợi để nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp, gắn bó lâu dài với địa phương.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng Nghị quyết xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kế thừa những chính sách, chế độ hiện hành còn phù hợp; điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ những quy định thực hiện không hiệu quả; đồng thời tiến hành rà soát, hợp nhất các chính sách, chế độ được ban hành ở nhiều văn bản thành một văn bản quy định chung tạo thuận lợi cho việc áp dụng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nội vụ - Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng quy trình, trình tự, thủ tục quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: Đề nghị xây dựng Nghị quyết

Trước khi xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo cho các sở, ngành có liên quan tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hiện hành; xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Trên cơ sở đó xác định những vấn đề bất cập, những nội dung cần xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. Cùng với các báo cáo, xây dựng dự thảo Đề cương của chính sách mới để thay thế cho các chính sách hiện hành. Các báo cáo và dự thảo Đề cương nêu trên được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và gửi đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp là đối tượng chịu sự tác động của chính sách cho ý kiến góp ý. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn chỉnh lại các dự thảo gửi đến Sở Tư pháp thẩm định. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, các văn bản đã được điều chỉnh, bổ sung trước khi trình UBND tỉnh xem xét. UBND tỉnh đã tổ chức cuộc họp và thống nhất trình Thường trực HĐND tỉnh xin chủ trương cho xây dựng Nghị quyết mới để thay thế các Nghị quyết hiện hành. Căn cứ đề nghị của UBND tỉnh tại tờ trình số 1597/TTr-UBND ngày 28/4/2017, Thường trực HĐND tỉnh có công văn số 113/HĐND-VP ngày 09/5/2017 chấp thuận cho xây dựng Nghị quyết về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

- Giai đoạn 2: Soạn thảo, thông qua Nghị quyết

Sau khi được sự chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã giao cho Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết và gửi đến các sở, ngành, UBND cấp huyện cho ý kiến góp ý. Dự thảo Nghị quyết cũng được gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến. Trên cơ sở góp ý của các cơ quan, đơn vị, cơ quan chủ trì soạn thảo đã xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý, đồng thời hoàn chỉnh lại dự thảo. Toàn bộ

VIỆT
Đ
VI
H BÌNH

hồ sơ dự thảo chính sách bao gồm: Dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình UBND tỉnh, báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và các tài liệu khác có liên quan được gửi đến Sở Tư pháp thẩm định trước khi UBND tỉnh tổ chức cuộc họp để thảo luận, quyết định trình HĐND tỉnh phê chuẩn.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết bao gồm Nghị quyết và Quy định kèm theo Nghị quyết. Quy định kèm theo Nghị quyết gồm có 04 chương với 27 điều. Cụ thể là:

- Chương I: Quy định về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng (có 09 điều, từ điều 1 đến điều 9).

- Chương II: Chính sách thu hút nguồn nhân lực (có 07 điều, từ điều 10 đến điều 16).

- Chương III: Các chế độ hỗ trợ (có 09 điều, từ điều 17 đến điều 25).

- Chương IV: Nguồn kinh phí thực hiện và quy định chuyển tiếp (có 02 điều, từ điều 26 đến điều 27).

2. Nội dung cơ bản

Nội dung cơ bản của chính sách gồm:

a) Chế độ hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng

- Đối tượng áp dụng;

- Phạm vi và điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng;

- Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng khi đi học ở trong nước;

- Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng khi đi học ở nước ngoài;

- Chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp;

- Chế độ khuyến khích tự đào tạo sau khi tốt nghiệp.

b) Chế độ thu hút nguồn nhân lực

- Phạm vi, hình thức, đối tượng, điều kiện thu hút, thời gian phục vụ và nghĩa vụ của người được thu hút.

- Chế độ thu hút:

- + Chế độ thu hút đối với hình thức mời trực tiếp;

- + Chế độ thu hút đối với hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế.

c) Các chế độ hỗ trợ

- Hỗ trợ lương khởi điểm trong thời gian tập sự;

- Hỗ trợ thuê nhà ở và hỗ trợ khác;

- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học;
- Hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập;
- Hỗ trợ cho bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn y tế;
- Hỗ trợ cho viên chức y tế học đường;
- Hỗ trợ cho công chức, viên chức ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có trình độ sau đại học;
- Hỗ trợ cho công chức, viên chức được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế, Giáo dục và Đào tạo;
- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách công tác tại xã, phường, thị trấn.

d) Nguồn kinh phí thực hiện và điều khoản chuyển tiếp

- Nguồn kinh phí thực hiện;
- Điều khoản chuyển tiếp.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương, Sở Nội vụ kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo:

1. Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

2. Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương;

3. Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

4. Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Các tài liệu khác:

+ Báo cáo đánh giá tác động; báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương và chính sách thu hút người có học hàm học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một;

+ Công văn số 1993/VPUB-KSTT ngày 10/12/2018 của Văn phòng UBND tỉnh cho ý kiến về thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;



+ Báo cáo số 40/BC-BBT ngày 05/10/2018 của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử về kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, ĐTBC.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



LÝ VĂN ĐEP

Số: 83 /BC-SNV

Bình Dương, ngày 27 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

**Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức
đối với dự thảo Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo,
bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương**

Ngày 09/5/2017, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh có công văn số 113/HĐND-VP chấp thuận đề nghị của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh xây dựng Nghị quyết về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương để thay cho Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 3 về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24/7/2014 của HĐND tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 12 về chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Nội vụ đã gửi dự thảo Nghị quyết nêu trên và các văn bản có liên quan đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan để góp ý (công văn số 1380/SNV-ĐTBC ngày 30/8/2018), đồng thời gửi Trung tâm Thông tin Điện tử đăng tải dự thảo Nghị quyết này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, cho ý kiến (công văn số 1381/SNV-ĐTBC ngày 30/8/2018).

Đến hết thời hạn góp ý theo quy định, Sở Nội vụ đã nhận được ý kiến góp ý của: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Dương và các sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ, Xây dựng, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương, Ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Tân Uyên; UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bắc Tân Uyên; Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Theo các văn bản góp ý, về cơ bản hầu hết đều thống nhất với các nội dung của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến khác với các quy định của dự thảo và đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục xem xét, điều chỉnh, bổ sung trước khi trình UBND tỉnh và HĐND tỉnh.

Sở Nội vụ - Cơ quan chủ trì soạn thảo - báo cáo nội dung góp ý, đồng thời tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cụ thể như sau:



1. Về phạm vi và điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

a) Ý kiến góp ý đề nghị bổ sung vào điểm b, khoản 2, Điều 2 của dự thảo về các trường/cơ sở đào tạo khi cử công chức, viên chức y tế đi đào tạo, bồi dưỡng: *Công chức, viên chức chuyên môn y tế đi học đúng chuyên ngành tại các Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Huế, Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn tại các cơ sở đào tạo và đơn vị y tế đã được cấp mã số đào tạo theo quy định của Bộ Y tế.*

Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ bổ sung vào dự thảo để việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn y tế ngày càng có chất lượng hơn.

b) Ý kiến góp ý đề nghị điều chỉnh điểm b, khoản 2, Điều 2 của dự thảo về điều kiện chung khi cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo là “...ngành nghề đề nghị cử đi đào tạo sau đại học phải phù hợp với vị trí việc làm đang đảm trách...” không cần thiết phải quy định “...ngành nghề đề nghị cử đi đào tạo sau đại học phải phù hợp với chuyên ngành đã tốt nghiệp đại học...”.

Dự thảo quy định ngành nghề đề nghị cử đi đào tạo sau đại học phải phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành đã tốt nghiệp đại học là nhằm đảm bảo việc đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên sâu đối với ngành nghề đã được đào tạo trình độ đại học, tránh tình trạng được đào tạo chuyên ngành này nay lại cử đi đào tạo một chuyên ngành khác. Hơn nữa, việc tuyển dụng đầu vào thời gian qua đã gắn yêu cầu trình độ chuyên môn đã được đào tạo với vị trí tuyển dụng; các cơ quan, đơn vị hiện đang thực hiện tinh giản biên chế, tiến hành sắp xếp, bố trí lại đội ngũ công chức, viên chức cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, năng lực trình độ chuyên môn của công chức, viên chức hiện có nên quy định như dự thảo là phù hợp.

c) Điều chỉnh các khoản tại Điều 2 dự thảo

Do có sự bổ sung các điều kiện cử đi đào tạo, bồi dưỡng nên cơ quan chủ trì soạn thảo tách riêng quy định “Điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng” thành khoản 4 Điều 2 dự thảo.

2. Hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp

a) Ý kiến góp ý đề nghị bổ sung *Giấy chứng nhận đăng ký luận văn - luận án sau đại học do Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương cấp* khi giải quyết chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp, chế độ chuyển kích tự đào tạo.

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung vào thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2, Điều 4 và khoản 4, Điều 5 của dự thảo *Giấy chứng nhận đăng ký luận văn - luận án sau đại học do Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ tỉnh Bình Dương cấp* khi giải quyết chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp, chế độ chuyển kích tự đào tạo đối với trường hợp làm luận văn thi tốt nghiệp cuối khóa vì tại điểm a, khoản 5 Điều 13 Quyết định số 54/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh ban hành

Quy định về thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương có quy định: *Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học hoặc được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo từ ngân sách nhà nước phải có trách nhiệm thực hiện Đăng ký và lưu giữ luận văn - luận án sau đại học. Giấy chứng nhận đăng ký luận văn - luận án sau đại học là điều kiện hưởng các chế độ theo Quy định về chính sách thu hút đào tạo, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.*

b) Ý kiến góp ý đề nghị bổ sung vào thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2, Điều 4 và khoản 4, Điều 5 của dự thảo “*Bản cam kết phục vụ lâu dài cho ngành*” khi giải quyết chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp và chế độ khuyến khích tự đào tạo.

Trong thành phần hồ sơ khi giải quyết các chế độ hỗ trợ nêu trên đều phải có đơn đề nghị của cá nhân. Trong đơn đề nghị cá nhân phải có cam kết phục vụ và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo xét thấy không cần thiết phải có thêm “*Bản cam kết*” như ý kiến góp ý đề nghị.

c) Ý kiến góp ý đề nghị không xem xét chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đối với công chức, viên chức tham gia kỳ thi tốt nghiệp cuối khóa mà không làm luận văn vì thi tốt nghiệp cuối khóa đơn giản hơn nhiều so với việc thực hiện luận văn, không phải đi khảo sát, thu thập số liệu, viết luận văn...Hoặc nếu có hỗ trợ thì phải có quy định mức hỗ trợ khác nhau giữa hai hình thức này.

Căn cứ thực tế, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý nêu trên và điều chỉnh quy định tại Điều 4 của dự thảo theo hướng chỉ hỗ trợ đối với hình thức tốt nghiệp cuối khóa học theo hình thức có làm luận văn tốt nghiệp.

d) Ý kiến góp ý đề nghị chỉ giải quyết chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp khi cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học tốt nghiệp khóa học đúng thời hạn quy định.

Dự thảo và quy định hiện hành đang áp dụng tuy không có quy định điều kiện phải tốt nghiệp đúng thời hạn quy định mới giải quyết chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên, thực tế trong quá trình giải quyết, cơ quan tài chính chỉ giải quyết đối với trường hợp tốt nghiệp khóa học đúng thời gian quy định. Vì vậy, việc bổ sung quy định phải tốt nghiệp đúng thời gian của khóa học là phù hợp. Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và bổ sung vào khoản 2, Điều 4 dự thảo.

3. Chế độ khuyến khích tự đào tạo

a) Ý kiến góp ý đề nghị chế độ khuyến khích tự đào tạo áp dụng cho công chức, viên chức các trường Trung học cơ sở tốt nghiệp đại học với các hình thức đào tạo, không phân biệt đại học chính quy hay không chính quy đi học thạc sĩ vì các đối tượng hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo khác không có quy định loại hình tốt nghiệp đại học. Ngoài ra, cũng có đề nghị bổ sung vào

điểm a, khoản 1, Điều 5 của dự thảo chế độ khuyến khích tự đào tạo cho công chức, viên chức các trường mầm non, tiểu học tốt nghiệp đại học chính quy tập trung đi học thạc sĩ.

Hiện nay, tỷ lệ công chức, viên chức các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định đều trên 99%, trong đó tỷ lệ giáo viên các cấp học trên chuẩn lần lượt ở các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở là 47,27%, 84,28%, 71,39%. Do số lượng đạt trên chuẩn khá cao nên việc khuyến khích tự đào tạo đối với trình độ thạc sĩ cần có sự chọn lọc về đối tượng, yêu cầu phục vụ giảng dạy, quản lý... Do vậy, điểm a, khoản 1, Điều 5 dự thảo quy định đối tượng, điều kiện được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo chỉ áp dụng đối với *Công chức, viên chức các trường Trung học cơ sở tốt nghiệp đại học hệ chính quy tập trung đi học thạc sĩ*, đồng thời không thực hiện chế độ hỗ trợ này đối với công chức, viên chức các trường mầm non, tiểu học tốt nghiệp đại học chính quy tập trung đi học thạc sĩ là phù hợp.

b) Ý kiến góp ý đề nghị nên quy định cụ thể thời hạn bao nhiêu ngày gửi hồ sơ đề nghị thỏa thuận đi học diện tự túc kinh phí với cơ quan quản lý đào tạo, bồi dưỡng do có trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã đi đào tạo được 02, 03 năm mới làm hồ sơ đề nghị thỏa thuận đi học diện tự túc kinh phí.

Quy định về thời hạn đề nghị thỏa thuận đi học diện tự túc kinh phí đào tạo đã được quy định tại khoản 3, Điều 11 Quyết định số 112/2007/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 của UBND tỉnh. Ngày 27/9/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 112/2007/QĐ-UBND. Tại khoản 3, Điều 22 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND quy định về thời hạn đề nghị thỏa thuận đi học diện tự túc kinh phí đào tạo tiếp tục được duy trì. Cụ thể là: *Cán bộ, công chức, viên chức đi học diện tự túc kinh phí thì đơn vị phải có văn bản đề nghị thỏa thuận với cơ quan quản lý đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp quản lý sau khi cán bộ, công chức, viên chức đã trúng tuyển. Thời hạn thỏa thuận tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày có thông báo nhập học (hoặc thông báo trúng tuyển)*. Do đã có quy định nên cơ quan chủ trì soạn thảo không đưa quy định này vào dự thảo như ý kiến góp ý.

c) Ý kiến góp ý chế độ khuyến khích tự đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức tự túc kinh phí đi học nước ngoài trình độ tiến sĩ được hưởng chế độ hỗ trợ 100.000.000 đồng cao hơn mức gấp đôi so với mức tự túc kinh phí đi học trong nước là không có cơ sở (điểm b, khoản 2, Điều 5 dự thảo). Đề nghị mức hỗ trợ là 60.000.000 đồng cho phù hợp với mức gấp đôi đi học tự túc trong nước.

Dự thảo quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tự túc kinh phí đi học sau khi tốt nghiệp các trường nước ngoài (có thời gian học toàn bộ ở nước ngoài) được hưởng chế độ khuyến khích tự đào tạo theo các mức: Tiến sĩ: 100.000.000 đồng và Thạc sĩ: 50.000.000 đồng. Sở dĩ mức hỗ trợ tiến sĩ cao hơn gấp đôi so với mức hỗ trợ trong nước (30.000.000 đồng) là do xét đến nhiệm vụ nghiên cứu, học tập của Nghiên cứu sinh khác nhiều so với học thạc sĩ. Nghiên cứu sinh phải xử lý khối lượng tài liệu khá lớn, bảo vệ từng chuyên đề, phải có

vài kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí khoa học; mức sinh hoạt phí ở nước ngoài khá cao... Vì vậy, chế độ hỗ trợ cần có sự chênh lệch nhiều hơn so với mức hỗ trợ khi học trong nước. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ nguyên như dự thảo.

4. Về thu hút

a) Ý kiến góp ý đề nghị điều chỉnh, bổ sung và bãi bỏ các đối tượng thu hút của ngành y tế quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 13. Cụ thể là:

- Bổ sung đối tượng thu hút: Bác sĩ Răng hàm mặt chính quy hệ đào tạo 06 năm; kỹ sư chuyên ngành Bảo trì trang thiết bị y tế hoặc Vật lý kỹ thuật Y sinh chuyên ngành bảo trì thiết bị y tế.

- Bỏ đối tượng thu hút là Bác sĩ dự phòng vì ngành y tế không còn nhu cầu thu hút.

Trước đây, các đối tượng thu hút được xây dựng theo đề nghị của ngành y tế. Đến nay, căn cứ yêu cầu thực tế, ngành y tế có một số thay đổi, đề nghị bổ sung thêm. Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ điều chỉnh, bổ sung đề nghị nêu trên của ngành y tế vào dự thảo.

b) Ý kiến đề nghị bổ sung thêm đối tượng thu hút là bác sĩ, thạc sĩ y học cổ truyền nhằm phát huy và đẩy mạnh nền y học cổ truyền tỉnh nhà, sử dụng nguồn dược liệu quý trong dân gian vào việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Căn cứ nhu cầu và kết quả đào tạo, tuyển dụng thời gian qua, cơ quan chủ trì soạn thảo xét thấy đội ngũ viên chức y tế được đào tạo chuyên ngành y học cổ truyền của tỉnh không thiếu tại các cơ sở y tế công lập. Mặt khác, việc thu hút chưa thật sự cấp thiết nên cơ quan chủ trì soạn thảo không đưa đối tượng là bác sĩ, thạc sĩ y học cổ truyền vào diện thu hút.

c) Đề nghị điều chỉnh nội dung quy định về điều kiện thu hút và yêu cầu về văn bằng khi thu hút đối với ngành y tế quy định tại khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 14 dự thảo

- Ý kiến góp ý đề nghị bổ sung điều kiện thu hút đối với ngành y tế: *Đối với chuyên môn y tế phải thông qua kỳ thi sát hạch của Hội đồng xét tuyển do Sở Y tế tỉnh Bình Dương thành lập.*

- Đề nghị bổ sung yêu cầu về văn bằng: *Bác sĩ đa khoa, bác sĩ răng hàm mặt, bác sĩ có trình độ sau đại học (trước đó phải tốt nghiệp bác sĩ hệ chính quy 06 năm) tốt nghiệp từ các trường Đại học: Y Hà Nội, Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Y Dược Huế, Y Dược Cần Thơ, Y khoa Phạm Ngọc Thạch vừa mới tốt nghiệp hoặc đã có thời gian công tác liên tục tại các cơ sở y tế công lập có giường bệnh và được bố trí vị trí việc làm là bác sĩ điều trị.*

Đây là những đề nghị mới của ngành y tế. Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và bổ sung các điều kiện, yêu cầu nêu trên vào dự thảo để người được thu hút đáp ứng yêu cầu chuyên môn phục vụ công tác.



d) Đề nghị bãi bỏ người được thu hút về công tác trong ngành y tế *“Trong 05 năm đầu công tác phải chịu luân chuyển 02 năm về làm việc tại các cơ sở y tế tuyến huyện (không kể Trung tâm Y tế thị xã Thuận An và Trung tâm Y tế thị xã Dĩ An). Thời điểm luân chuyển do người được thu hút tự chọn”* quy định tại khoản 1, Điều 15 dự thảo.

Trước đây, ngành y tế có đề nghị đối tượng thu hút phải có thời gian luân chuyển về công tác tại các cơ sở y tế tuyến huyện. Nay, khi thực hiện thu hút người có chuyên môn y tế phải thông qua kỳ thi sát hạch của Hội đồng xét tuyển do Sở Y tế thành lập. Kết quả sát hạch của Hội đồng xét tuyển để phân loại người thu hút nên quy định về luân chuyển không còn phù hợp. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo thống nhất bãi bỏ quy định về việc luân chuyển về công tác tại các cơ sở y tế tuyến huyện đối với người được thu hút.

đ) Góp ý không liệt kê các đơn vị y tế được thu hút nguồn nhân lực quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 17 của dự thảo. Theo đó, các đơn vị thu hút là: *Các cơ sở điều trị đa khoa, chuyên khoa công lập, khối điều trị thuộc Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một*. Quy định này sẽ bao hàm tất cả các bệnh viện có thể thành lập trong tương lai. Bổ sung đối tượng thu hút là *bác sĩ răng hàm mặt và kỹ sư chuyên ngành Bảo trì trang thiết bị y tế hoặc Vật lý Kỹ thuật Y sinh (chuyên ngành bảo trì thiết bị y tế)*. Đồng thời, bỏ thu hút đối với *bác sĩ y học dự phòng* quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 17 vì nhu cầu không còn cấp thiết và không khó để tuyển dụng.

Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý nêu trên, trong đó bổ sung chế độ thu hút cho bác sĩ răng hàm mặt tương đương với bác sĩ đa khoa; tăng thêm chế độ thu hút cho Cử nhân, kỹ sư chuyên ngành Bảo trì trang thiết bị y tế hoặc Vật lý Kỹ thuật Y sinh (chuyên ngành bảo trì thiết bị y tế) là 50.000.000 đồng vì đây là chuyên ngành chỉ có rất ít trường đào tạo và các đơn vị sự nghiệp y tế công lập đang có nhu cầu nhất là, đối với các bệnh viện có nhiều trang thiết bị.

5. Các chế độ hỗ trợ

a) Ý kiến góp ý đề nghị tăng mức hỗ trợ khi đi học các lớp tập trung dưới 01 tháng tăng từ mức hỗ trợ đi học từ 100.000 đồng/ngày lên 200.000 đồng/ngày cho phù hợp với mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị.

Theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức thì các khoản chi hỗ trợ cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có quy định: Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Căn cứ vào địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, tỉnh có quy định chế độ hỗ trợ cho từng đối tượng. Hơn nữa, cán bộ, công chức, viên chức được hưởng nguyên lương trong

quá trình được cử đi học. Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giữ nguyên các mức hỗ trợ đi học như dự thảo.

b) Ý kiến góp ý đề nghị đối với chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học quy định tại Điều 20 của dự thảo thì sau 05 năm được hưởng chế độ hỗ trợ, thủ trưởng đơn vị có nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành công việc, sự đóng góp vào kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị đối với từng cá nhân và có văn bản gửi Sở Nội vụ để được tiếp tục hỗ trợ hoặc ngưng không hỗ trợ. Tương tự như vậy, viên chức chuyên môn y tế sau 05 năm được hưởng chế độ hỗ trợ cũng cần xem xét đánh giá lại để giải quyết (Điều 21 dự thảo).

Xét thấy, ý kiến góp ý đối với chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học là hợp lý. Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và đưa nội dung này vào dự thảo để việc thực hiện chế độ hỗ trợ này được chặt chẽ và hiệu quả. Riêng đối với chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập do được xác định chỉ hỗ trợ trong thời hạn 05 năm nên không cần thiết phải có quy định về nhận xét, đánh giá để tiếp tục cho hưởng hoặc ngưng hỗ trợ như chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học.

c) Ý kiến góp ý đề nghị điều chỉnh quy định tại khoản 1, khoản 4 và khoản 6 Điều 21 về chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập.

- Điều chỉnh khoản 1 từ “Công tác tại Trạm Y tế thuộc các xã (trừ xã An Sơn thuộc thị xã Thuận An), kể cả Phòng khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các xã” thành “*Công tác tại Trạm Y tế, Phòng khám Đa khoa khu vực đóng trên địa bàn các xã*”.

- Điều chỉnh khoản 4 cho phù hợp với khoản 1, Điều 18: *Công tác tại các cơ sở điều trị đa khoa, chuyên khoa công lập, khối điều trị thuộc Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một; các cơ quan quản lý nhà nước về y tế (Sở Y tế, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình).*

- Điều chỉnh khoản 6: Chỉ quy định chung hỗ trợ cho công chức, viên chức công tác tại các cơ sở dự phòng cấp tỉnh, cấp huyện mà không liệt kê tên từng đơn vị như dự thảo nhằm đảm bảo cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị dự phòng trong thời gian tới.

Xét thấy việc hỗ trợ phân theo 3 khu vực bao gồm: xã; phường, thị trấn thuộc Dầu Tiếng, Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo, Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên và các phường thuộc Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An là phù hợp. Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh tương ứng.

Riêng ý kiến góp ý đề nghị bổ sung công chức có chuyên môn y tế công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về y tế như Sở Y tế, Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (khoản 4, Điều 21)



cũng được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng, cơ quan chủ trì soạn thảo xét thấy, hiện nay không chỉ riêng ngành y tế, công chức các ngành khác đều không được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng (trừ người có trình độ sau đại học) nên không thể xem xét giải quyết riêng cho ngành y tế.

d) Chế độ hỗ trợ diện được học bổng

Ý kiến góp ý đề nghị điều chỉnh thời gian công tác sau khi được hưởng chế độ hỗ trợ diện được học bổng tăng từ 05 năm lên thành 10 năm cho phù hợp với chi phí mà ngân sách nhà nước đã bỏ ra.

Điều 11 dự thảo có quy định: Cán bộ, công chức, viên chức được học bổng toàn phần do Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và các học bổng khác được Chính phủ Việt Nam cho phép để tài trợ chi phí cho toàn bộ khóa học ở nước ngoài, không sử dụng ngân sách Nhà nước thì được hỗ trợ thêm hàng tháng bằng 50% mức sinh hoạt phí toàn phần tùy thuộc vào nước đến học tập và người được hưởng chế độ hỗ trợ này phải có nghĩa vụ công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của tỉnh ít nhất là 05 năm.

Theo Thông tư liên tịch số 206/2010/TTLT-BTC-BGDĐT-BNG ngày 15/12/2010 của Liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Ngoại giao, mức sinh hoạt phí khi đi học các nước cao nhất là Hoa Kỳ, Canada, Anh, Nhật Bản là 1.200 USD người/tháng; các nước Hàn Quốc, Hồng Kông, Singapore là 600 USD người/tháng. Như vậy, khi được hưởng 50% sinh hoạt phí theo quy định của tỉnh thì người đi học Tiến sĩ ở Hoa Kỳ, Canada, Anh, Nhật Bản được nhận khoảng 660.000.000 đồng; thạc sĩ: 330.000.000 đồng; các nước Hàn Quốc, Hồng Kông, Singapore học tiến sĩ được nhận khoảng 330.000.000 đồng; thạc sĩ: 165.000.000 đồng.

Nếu quy định thời hạn phải phục vụ là 10 năm cho tất cả các trường hợp thì không hợp lý. Do vậy, tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh theo hướng thời hạn phục vụ sau đào tạo trong các trường hợp nêu trên đối với đào tạo tiến sĩ là 10 năm; thạc sĩ là 05 năm.

đ) Ý kiến góp ý đề nghị không giới hạn thời gian hỗ trợ về thuê nhà ở, hỗ trợ cho công chức, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập, hỗ trợ cho viên chức y tế học đường, hỗ trợ cho công chức, viên chức ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có trình độ sau đại học, hỗ trợ cho công chức, viên chức được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế, Giáo dục và Đào tạo (quy định tại các điều 20, 22, 24, 25, 26 của dự thảo).

Dự thảo quy định các chế độ hỗ trợ nêu trên chỉ áp dụng từ 03 năm đến 05 năm cho từng đối tượng. Việc quy định thời hạn áp dụng xuất phát từ nhiều yếu tố như: Đối tượng thụ hưởng, đặc thù công việc, mục đích hỗ trợ và nhất là tình hình ngân sách đảm bảo thực hiện các chế độ hỗ trợ. Căn cứ vào các yếu tố nêu trên, cơ quan chủ trì soạn thảo xét thấy quy định về thời hạn hỗ trợ cho các đối tượng như dự thảo là phù hợp và đã được áp dụng trong một thời gian dài. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo xin giữ nguyên như dự thảo.

e) Ý kiến góp ý đề nghị làm rõ chế độ hỗ trợ cho bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập được hưởng 02 chế độ hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ thâm niên và hỗ trợ 01 lần hay chỉ được hưởng 01 trong 02 chế độ nêu trên và điều kiện được hưởng.

Điều 23 của dự thảo quy định chế độ hỗ trợ cho bác sĩ công tác tại các cơ sở y tế công lập gồm có: Chế độ hỗ trợ thâm niên và hỗ trợ 01 lần. Đây là 02 chế độ hỗ trợ khác nhau. Đối với bác sĩ (không phân biệt hình thức đào tạo) nếu có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên, không kể thời gian tập sự thì đều được hưởng chế độ hỗ trợ thâm niên. Chế độ hỗ trợ một lần chỉ áp dụng đối với bác sĩ đa khoa, chuyên khoa, bác sĩ răng hàm mặt trước đó tốt nghiệp hệ chính quy 06 năm là viên chức đang công tác tại khối điều trị.

Để quy định dễ hiểu hơn, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ điều chỉnh điều kiện được hưởng như sau:

- Cam kết tiếp tục phục vụ đủ 10 năm. Trường hợp đã nhận hỗ trợ theo quyết định số 74/2011/QĐ-UBND, cộng dồn thời gian cam kết phục vụ (05 năm) còn lại.

- Trường hợp không đủ thời gian công tác 10 năm do đến tuổi nghỉ hưu thì mức hỗ trợ được tính theo tỷ lệ thời gian công tác còn lại.

g) Chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức công tác tại xã, phường, thị trấn

Ý kiến góp ý đề nghị nâng mức hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã do việc thực hiện đề án tinh giản của tỉnh sẽ giảm nhân sự dẫn đến công việc nhiều hơn cho những người còn lại trong khi mức hỗ trợ hiện hành chưa tương xứng; làm rõ sự khác nhau giữa cán bộ, công chức có trình độ đại học về công tác tại cấp xã với cán bộ, công chức tại chỗ; làm rõ chế độ hỗ trợ trong trường hợp có nhiều văn bằng.

Chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách lần này được xây dựng lại trên cơ sở:

- Bãi bỏ chế độ hỗ trợ đối với người công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn vì hiện nay, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã đã có bước phát triển, tỉnh không còn hộ nghèo nên việc bãi bỏ là phù hợp.

- Việc nâng mức hỗ trợ phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhất là tình hình ngân sách của địa phương. Khi thực hiện đề án tinh giản, số lượng người làm việc có giảm nhưng đồng thời mức khoán có thay đổi tăng lên để tăng thêm một phần thu nhập cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Do vậy, chế độ hỗ trợ hàng tháng theo dự thảo chỉ duy trì mức hỗ trợ hiện tại.

- Trước đây, cán bộ, công chức được điều động, biệt phái về công tác tại cấp xã được hưởng chế độ hỗ trợ cao hơn so với cán bộ, công chức tại chỗ. Qua thực tế xét thấy hiện nay người được điều động về công tác tại cấp xã luôn gắn với một vị trí, chức vụ, chức danh cụ thể. Vì vậy, tiếp thu ý kiến góp ý, chế độ hỗ trợ lần này không phân biệt chế độ hưởng giữa cán bộ, công chức về công tác tại cấp xã và cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã

tại chỗ mà chỉ phân biệt mức hưởng giữa người có trình độ đại học, sau đại học hưởng chế độ đào tạo và không hưởng chế độ đào tạo theo quy định của tỉnh.

- Chính sách lần này cũng bổ sung chế độ hỗ trợ đối với người có trình độ sau đại học mà quy định hiện hành chưa có.

- Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã nếu có nhiều văn bằng khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ đối với văn bằng cao nhất.

6. Về việc đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tự đào tạo

a) Ý kiến góp ý đề nghị cần quy định rõ việc đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tự đào tạo; không nên quy định chung chung như dự thảo vì như vậy sẽ khó thực hiện vì đây là chính sách của tỉnh.

Điều 28 của dự thảo quy định việc đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tự đào tạo thực hiện theo Quy định hiện hành của tỉnh về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Sở dĩ quy định chung chung như vậy vì UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương. Trong Quyết định này có các quy định chi tiết về việc đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tự đào tạo (Quy định tại Chương VII từ Điều 26 đến Điều 29). Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo không đưa các quy định về đền bù vào dự thảo này.

b) Về quy định đền bù: Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm 01 điều (Điều 16) quy định về nghĩa vụ của người được thu hút để làm cơ sở cho việc giải quyết chế độ này khi người được hưởng không thực hiện đúng cam kết.

7. Về quy định chuyển tiếp

Ý kiến góp ý đề nghị bổ sung thêm các quy định chuyển tiếp đối với một số ngành, lĩnh vực về các chế độ được hưởng khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành vì dự thảo chưa có quy định đầy đủ.

Tiếp thu ý kiến góp ý nêu trên, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ bổ sung thêm các quy định chuyển tiếp đối với viên chức y tế học đường; công chức, viên chức chuyên môn y tế tại các cơ sở y tế công lập; viên chức ngành giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có trình độ sau đại học; cán bộ quản lý, viên chức được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế, Giáo dục và Đào tạo đến khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà hưởng chưa đủ thời gian quy định thì tiếp tục được hưởng cho đến khi đủ thời gian quy định. Trường hợp đã hưởng đủ thời gian quy định thì không được tiếp tục hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định của Phụ lục này.

8. Một số góp ý khác

Ngoài các ý kiến góp ý nêu trên, các cơ quan, đơn vị còn có một số ý kiến góp ý về từ ngữ, lỗi đánh máy... Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ xem xét, chỉnh sửa cho phù hợp.

Trên đây là ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Nội vụ đối với ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, ĐTBC (6).

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



LÝ VĂN ĐEP

Số: 811 /BC-SNV

Bình Dương, ngày 27 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 41/BC-STP ngày 04/5/2019 của Sở Tư pháp và ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị tại cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 14/6/2019 đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương. Sở Nội vụ (Cơ quan chủ trì soạn thảo) báo cáo giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết

Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu bổ sung vào dự thảo Nghị quyết các nội dung sau:

- Bổ sung vào phần căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết: *Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.*

- Điều chỉnh trích yếu nội dung nghị quyết: *Nghị quyết ban hành Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.*

- Điều chỉnh Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với trích yếu của dự thảo Nghị quyết: *Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương (có Quy định chi tiết kèm theo).*

- Bổ sung đánh số thứ tự của dự thảo Nghị quyết: *Dự thảo 4.*

- Về tên gọi dự thảo Nghị quyết khi đề nghị xây dựng là: *Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.* Tuy nhiên, trong quá trình thẩm định, Sở Tư pháp đề nghị để đảm bảo chuẩn xác, phản ánh khái quát nội dung chủ yếu của văn bản nên chỉnh sửa lại là *Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.* Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đã điều chỉnh theo góp ý của cơ quan thẩm định.

2. Dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết

- Ý kiến góp ý đề nghị xem xét điều chỉnh đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 1 dự thảo cho phù hợp với các quy định hiện hành.



Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức Hội được giao biên chế; cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc diện quy hoạch cán bộ và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các ngành, các cấp.

- Ý kiến thẩm định đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*Bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức quản lý chuyên ngành...*” quy định tại Khoản 3 Điều 2 dự thảo thành “*Đào tạo lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức quản lý chuyên ngành...*”.

Về vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo có ý kiến như sau:

Tại Điều 2 dự thảo có quy định về “Phạm vi và điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng”. Để tách biệt giữa đào tạo và bồi dưỡng, tại Khoản 1 và Khoản 2 cơ quan chủ trì soạn thảo xác định các nội dung về đào tạo bao gồm: *Đào tạo về lý luận chính trị theo quy định (Khoản 1); Đào tạo về chuyên môn (Khoản 2)*. Các khóa bồi dưỡng, bao gồm bồi dưỡng về lý luận chính trị được quy định tại Khoản 3. Nếu điều chỉnh như ý kiến thẩm định thì nội dung đào tạo về lý luận chính trị tại Khoản 3 sẽ trùng với Khoản 1. Do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ bổ sung nội dung *bồi dưỡng về lý luận chính trị* vào Khoản 1 Điều 2 thành “*Đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định*” và bỏ quy định về “*Bồi dưỡng lý luận chính trị*” tại Khoản 3 Điều 2 dự thảo.

- Ý kiến thẩm định đề nghị bổ sung chế độ hỗ trợ kinh phí tổ chức đi nghiên cứu thực tế cho cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị.

Tiếp thu ý kiến thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung chế độ hỗ trợ này vào dự thảo. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền cử đi học các lớp trung cấp, cao cấp lý luận chính trị được hưởng chế độ hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế theo chế độ công tác phí hiện hành (Điểm c Khoản 2 Điều 3 dự thảo). Người được hưởng chế độ hỗ trợ đi nghiên cứu thực tế không được hưởng chế độ hỗ trợ đi học cho những ngày đi nghiên cứu thực tế.

- Về đề nghị bổ sung từ “*Bác sĩ*” trước cụm từ “*Chuyên khoa cấp I*”, “*Chuyên khoa cấp II*” thành cụm từ “*Bác sĩ chuyên khoa cấp I*”, “*Bác sĩ chuyên khoa cấp II*” vào Điểm a Khoản 1 Điều 4; Điểm a Khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 21, Khoản 1 Điều 25, Khoản 2 Điều 29 (Điểm a Khoản 1 Điều 4; Điểm a Khoản 2 Điều 5, Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 23, Khoản 2 Điều 27 dự thảo sau tiếp thu).

Về vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo có ý kiến như sau:

Dự thảo không quy định từ *Bác sĩ* trước cụm từ *chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II* như ý kiến thẩm định vì ngoài bác sĩ còn có nhiều đối tượng thuộc các chuyên ngành khác cũng được đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II như: Dược sĩ, Y tế công cộng, Chẩn đoán hình ảnh, Kỹ thuật xét nghiệm y

học...(Dược sĩ chuyên khoa cấp I, cấp II các chuyên ngành: Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Tổ chức quản lý dược, Dược lý và dược lâm sàng...; chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y tế công cộng...). Vì vậy, để đảm bảo các chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức y tế, tránh bỏ sót đối tượng, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị được giữ nguyên như dự thảo.

- Ý kiến góp ý đề nghị không giảm chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp từ 40 triệu đồng xuống còn 30 triệu đồng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 vì số tiền hỗ trợ không lớn, việc bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ ngày càng khó hơn.

Tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan chủ trì soạn thảo giữ nguyên mức hỗ trợ như quy định hiện hành (Tiền sĩ: 50.000.000 đồng; Thạc sĩ: 40.000.000 đồng).

- Điều chỉnh tiêu đề Điều 8 dự thảo (Điều 7 dự thảo sau tiếp thu) "*Các khoản chi phí đào tạo trong nước*": Để phù hợp với quy định tại Mục 2 Chương I quy định về Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh thành "*Các khoản chi phí cho khóa đào tạo ở nước ngoài có thời gian học trong nước*".

- Ý kiến góp ý đề nghị đối với chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức có trình độ sau đại học quy định tại Điều 19 dự thảo, sau mỗi năm công tác cần có đánh giá để tiếp tục cho hưởng hoặc ngừng giải quyết chế độ hỗ trợ. Việc quy định sau 05 năm mới có đánh giá lại như dự thảo là quá dài.

Về vấn đề này, cơ quan chủ trì soạn thảo xét thấy việc đánh giá lại là cần thiết, tuy nhiên để có đánh giá bao quát và toàn diện hơn về quá trình công tác của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại như sau: *Cán bộ, công chức, viên chức sau 05 năm được hưởng chế độ hỗ trợ thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải có nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành công việc, sự đóng góp vào kết quả hoạt động của cơ quan, đơn vị đối với từng cá nhân và có văn bản gửi Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy để được tiếp tục hưởng chế độ hỗ trợ hoặc ngừng giải quyết chế độ hỗ trợ. Từ năm thứ 6 trở đi, mỗi năm đánh giá một lần để làm căn cứ xem xét giải quyết chế độ hỗ trợ; văn bản đánh giá gửi về Sở Nội vụ hoặc Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.*

- Sửa đổi, bổ sung nội dung Điểm b Khoản 2 Điều 23 dự thảo (Điểm b, Điểm c Khoản 2 Điều 21 dự thảo sau tiếp thu) như sau:

+ Bổ sung đối tượng là những người có thời gian công tác còn lại không đủ 10 năm thì mỗi năm công tác còn lại được hỗ trợ 20.000.000 đồng nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng.

+ Sửa đổi: "*Cam kết tiếp tục phục vụ đủ 10 năm. Trường hợp đã nhận hỗ trợ theo Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND, cộng dồn thời gian cam kết phục vụ (05 năm) còn lại*" thành "*Người được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này phải cam kết tiếp tục phục vụ đủ 10 năm. Trường hợp đang được hưởng chính sách thu hút nhưng chưa phục vụ đủ thời gian quy định thì thời gian phải phục vụ bao gồm thời gian còn lại chưa phục vụ của chế độ hỗ trợ hiện*

SỞ
NỘI VỤ
TỈNH BÌNH

hưởng cộng với thời gian phải phục vụ khi hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Điều này. Người được hưởng chế độ hỗ trợ nếu không phục vụ đủ thời gian quy định thì phải bồi hoàn lại mỗi năm 10.000.000 đồng”.

+ Bổ sung thêm điều kiện bồi hoàn trong trường hợp người được hưởng chế độ hỗ trợ không phục vụ đủ thời gian cam kết theo quy định.

+ Tiếp thu ý kiến góp ý cần xem xét có chế độ hỗ trợ cho người có chuyên môn y tế công tác tại các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có sử dụng lao động có chuyên môn y tế, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ là bác sĩ công tác tại đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vào quy định tại Điều 21 dự thảo.

- Về điều chỉnh, bổ sung các từ ngữ:

Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung các nội dung sau:

+ Điều chỉnh cụm từ “*dân tộc ít người*” thành “*người dân tộc thiểu số*” tại Điểm b Khoản 2 Điều 3. Đồng thời, bổ sung đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ là *người dân tộc thiểu số* vào các chế độ hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 11, Điều 20, Khoản 8 Điều 29 (Khoản 1 Điều 9 và Điểm b Khoản 1 Điều 18 của dự thảo sau tiếp thu), nhằm đảm bảo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc hiện hành.

+ Sửa đổi cụm từ “USD/người/tháng” thành “*đô la Mỹ/người/tháng*” tại Khoản 1 Điều 11 (Khoản 1 Điều 9 của dự thảo sau tiếp thu).

+ Sửa cụm từ “*Thạc sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa cấp I*” thành “*Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I*” quy định tại Điểm a Khoản 4 và Điểm a Khoản 5 Điều 22 dự thảo (Điểm a Khoản 4 và Điểm a Khoản 5 Điều 20 dự thảo sau tiếp thu).

- Về việc không lặp lại các quy định đã có trong các văn bản khác:

Dự thảo quy định một số điều có liên quan đến: Điều kiện và tiêu chuẩn cử đi đào tạo ở nước ngoài (Điều 6); Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài (Điều 10); Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tự đào tạo, thu hút (Điều 28). Việc đưa vào dự thảo các quy định nêu trên nhằm giúp cho các quy định về đào tạo, bồi dưỡng được đầy đủ trong cùng một văn bản. Tuy nhiên, do Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định không lặp lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác và để tránh trường hợp cùng một vấn đề nhưng quy định ở nhiều văn bản khác nhau khó áp dụng như cơ quan thẩm định đã viện dẫn. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu không đưa vào dự thảo các Điều nêu trên.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung quy định về Nguồn kinh phí thực hiện vào dự thảo (Điều 27). Cụ thể là:

+ Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức do ngân sách nhà nước cấp; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

+ Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức tự túc, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm.

+ Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố do ngân sách nhà nước cấp.

+ Kinh phí thực hiện thu hút nguồn nhân lực do ngân sách nhà nước cấp.

+ Kinh phí hỗ trợ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức do ngân sách nhà nước cấp.

- Về quy định chuyển tiếp quy định tại Điều 28 dự thảo (Điều 27 dự thảo sau tiếp thu): Trong dự thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo liệt kê các chế độ tiếp tục thực hiện khi Nghị quyết mới được ban hành để việc thực hiện các chế độ hỗ trợ được cụ thể. Vì vậy, quy định chuyển tiếp khá dài. Tiếp thu ý kiến thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại quy định chuyển tiếp theo hướng ngắn gọn hơn như sau:

+ Một số chế độ, chính sách được quy định cụ thể thành từng khoản riêng biệt nhất là đối với các chế độ, chính sách không tiếp tục được quy định trong dự thảo Nghị quyết mới.

+ Các chế độ, chính sách còn lại được quy định chung nhằm tránh việc bỏ sót các chế độ mà cán bộ, công chức, viên chức được hưởng khi Nghị quyết mới được ban hành.

3. Dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu các ý kiến đề điều chỉnh lại các nội dung có liên quan đến dự thảo Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách. Theo đó:

- Đối với dự thảo Tờ trình sẽ bổ sung nội dung “Những vấn đề xin ý kiến” đối với các vấn đề còn ý kiến khác nhau.

- Đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ xây dựng lại theo hướng xác định những vấn đề bất cập tổng quan, đánh giá tác động của chính sách, báo cáo kết quả thực hiện chính sách của Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 với các nội dung theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

4. Về thể thức văn bản

Báo cáo thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh sửa một số điểm như: Thay thế Phụ lục bằng Quy định, bổ sung chức vụ người ký...

Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, điều chỉnh theo góp ý của cơ quan thẩm định để đảm bảo thể thức ban hành văn bản phù hợp với các quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.



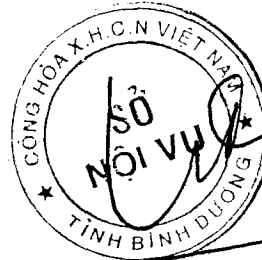
Trên đây là báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NV, TP;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



LÝ VĂN ĐẸP

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41 /BC-STP

Bình Dương, ngày 04 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương

Thực hiện chức năng thẩm định văn bản theo quy định tại Điều 121 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và theo đề nghị của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương tại Công văn số 113/SNV-ĐTBC ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (*gọi tắt là dự thảo văn bản*). Sau khi nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo văn bản với các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Thời gian qua, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương đã thông qua các Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương và chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một (*Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 09 tháng 12 năm 2011 và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương*).

Đến nay một số chính sách không còn phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Do vậy, Sở Tư pháp thống nhất việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua “*Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương*” để thay thế các Nghị quyết trên của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết, đúng thẩm quyền quy định tại Điểm d Khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương và Khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản

Tại Điều 1, Điều 2 Mục 1 Chương I và Điều 12 Mục 1 Chương II Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết xác định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

3. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

Để góp phần hoàn chỉnh dự thảo văn bản, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa một số điểm, cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Phần ghi trích yếu nội dung Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa “*Nghị quyết về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương*” thành “*Nghị quyết ban hành Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương*” cho phù hợp với quy định tại “*Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế)*” Phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Đề nghị chỉnh sửa, trình bày lại tiêu đề Điều 1 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp, thống nhất với trích yếu dự thảo Nghị quyết, như sau: “*Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương (có Quy định chi tiết kèm theo)*”.

b) Đối với Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết

- Tại Khoản 3 Điều 2 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết có quy định: “*Bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; ...*”. Nội dung này phù hợp với “*Nội dung bồi dưỡng*” tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, để đảm bảo tính chuẩn xác, phù hợp với các Quyết định của Đảng và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nên chỉnh sửa thay cụm từ “*Bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh*” thành “*Đào tạo lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh*” cho phù hợp với các Quyết định của Đảng và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, bởi vì:

+ Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: “*Đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức và trong quy hoạch của hệ thống chính trị*”;

+ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 184-QĐ/TW ngày 03 tháng 9 năm 2008 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: “*Đào tạo trung cấp lý luận chính trị- hành chính cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương*”;

+ Theo Khoản 1. Điều 1 Quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc ban hành bộ Quy chế quản lý đào tạo của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: “*Quy chế tuyển sinh đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”.

- Hiện nay, cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trung cấp lý luận chính trị được hỗ trợ đi hoạch theo Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8. Tuy nhiên, theo Quy chế Học viên Trung cấp lý luận chính trị - hành chính của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ban hành kèm theo Quyết định số Quyết định số 1855/QĐ-HVCTQG ngày 21 tháng 4 năm 2016 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) thì nghĩa vụ của học viên trong kế hoạch học tập của cá nhân có nội dung “*nghiên cứu thực tế*”; để thực hiện nội dung này, học viên phải tự túc kinh phí. Do vậy, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm chế độ hỗ trợ kinh phí tổ chức cho học viên đi thực tế.

- Đề đảm bảo chuẩn xác, thống nhất về từ ngữ sử dụng trong văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung từ “*Bác sỹ*” trước cụm từ “*Chuyên khoa Cấp I*”, “*Chuyên khoa Cấp II*” thành cụm từ “*Bác sỹ chuyên khoa Cấp I*”, “*Bác sỹ chuyên khoa Cấp II*” (tại các Điểm a Khoản 1 Điều 4; Điểm a Khoản 2 Điều 5; Khoản 1 Điều 21; Khoản 1 Điều 25; Khoản 2 Điều 29; ... Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết) và sửa cụm từ “*Thạc sỹ y khoa, Bác sỹ chuyên khoa cấp I*” thành “*Thạc sỹ, Bác sỹ chuyên khoa cấp I*” (tại Điểm a Khoản 4 và Điểm a Khoản 5 Điều 22 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết).

- Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa đối với nội dung quy định hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài tại Mục 2 Chương I Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết cho phù hợp, cụ thể:

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “..., không quy định lặp lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”; đồng thời, để tránh trùng hợp cùng một vấn đề nhưng quy định ở nhiều văn bản khác nhau khó áp dụng. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung quy định: “*Điều kiện và tiêu chuẩn cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài*” (tại Điều 6 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết); “*Chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài*” (tại Điều 10 dự thảo Nghị quyết) và “*Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tự đào tạo, thu hút*” (tại Điều 28 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết), bởi vì các nội dung này đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ và Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Bình Dương;

+ Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa tiêu đề “*Các khoản chi phí đào tạo trong nước*” tại Điều 8 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết cho nhất quán, phù hợp hơn, bởi vị trí Điều 8 được cơ cấu trong “*Mục 2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài*”.

- Đề đảm bảo quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc tại Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, đề nghị thay cụm từ “*dân tộc ít người*” thành “*người dân tộc thiểu số*” trong đoạn: “*Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ, là người dân tộc thiểu số khi đi học các lớp có thời gian từ 01 tháng trở lên*”.



thì mỗi tháng học được cấp thêm 200.000 đồng/tháng/người” (tại đoạn cuối Khoản 2 Điều 3 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết). Đồng thời, rà soát, bổ sung thêm đối tượng “người dân tộc thiểu số” vào trong đoạn: “Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ, là người dân tộc thiểu số khi đi học được cấp thêm 50 USD/tháng/người” (Khoản 1 Điều 11 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết); “Người được thu hút là nữ, là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ thêm 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng” (Điểm b Khoản 1 Điều 20 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết); “Người có trình độ chuyên môn y tế là nữ, là người dân tộc thiểu số được hợp đồng, tuyển dụng, ...” (Khoản 8 Điều 29 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết).

- Nội dung quy định: “Cam kết tiếp tục phục vụ đủ 10 năm. Trường hợp đã nhận hỗ trợ theo Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND, công dồn thời gian cam kết phục vụ (05 năm) còn lại” (tại Điểm b Khoản 2 Điều 23 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết) là không phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: “Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực”. Theo đó, trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết này thì Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 sẽ hết hiệu lực, dẫn đến Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND đồng thời hết hiệu lực. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa lại nội dung quy định nêu trên cho phù hợp.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung quy định “Đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích tự đào tạo, thu hút” tại Điều 28 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết vì không cần thiết, bởi vì vấn đề này đã được quy định cụ thể tại Điều 7 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Chương VII Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đề thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung thêm nội dung quy định: “Nguồn kinh phí thực hiện”. (

- Nội dung “Quy định chuyển tiếp” tại Điều 29 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết quá dài, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa, trình bày lại cho phù hợp.

c) Đối với dự thảo Tờ trình

Căn cứ “Mẫu số 03. Tờ trình dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung nội dung: “Những vấn đề xin ý kiến (nếu có)”, bởi vì theo Báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đối với dự thảo Nghị quyết (Báo cáo số 20/BC-SNV ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Sở Nội vụ) có những nội dung cơ quan soạn thảo có

giải trình, không tiếp thu, giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết, ví dụ: *Đối với mức hỗ trợ tự đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ là 100.000.000 đồng (tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 dự thảo Phụ lục kèm theo).* Vấn đề này, Sở Tài chính có ý kiến góp ý nên giảm xuống 60.000.000 đồng (Công văn số 2586/STC-HCSN ngày 19 tháng 9 năm 2018). Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, cần bổ sung những nội dung còn có ý kiến khác nhau vào dự thảo Tờ trình, báo cáo Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định.

d) Đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (*Báo cáo số 21/BC-SNV ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Sở Nội vụ*) xác định vấn đề bất cập tổng quan, đánh giá tác động của chính sách đối với “*Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND và Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND*” là chưa phù hợp, đề nghị chỉnh sửa theo hướng xác định vấn đề bất cập tổng quan, đánh giá tác động của chính sách, báo cáo kết quả thực hiện chế độ, chính sách tại Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 thì sẽ phù hợp hơn. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung vào Báo cáo đánh giá tác động của chính sách các nội dung như: *Bối cảnh xây dựng chính sách; mục tiêu xây dựng chính sách; mục tiêu giải quyết các vấn đề; các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề; đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan; kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề); ...* Lưu ý cơ quan soạn thảo khi đánh giá tác động chính sách thì phải xem xét, đánh giá 05 khía cạnh (*tác động về kinh tế của chính sách; tác động về xã hội của chính sách; tác động về giới của chính sách; tác động của thủ tục hành chính; tác động đối với hệ thống pháp luật của chính sách*) theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để đề xuất ra các giải pháp và phải đánh giá các giải pháp này tác động đến từng loại đối tượng như thế nào. Cơ quan soạn thảo cần xác định rõ ai là người chịu tác động trực tiếp của chính sách (*cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, ...*) nêu rõ tác động tích cực, tác động tiêu cực. Ai là người chịu trách nhiệm thực hiện chính sách (*cơ quan, tổ chức, ...*). Từ đó để lựa chọn ra giải pháp tối ưu nhất.

Bên cạnh đó, Báo cáo đánh giá tác động chính sách chưa xác định rõ thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Về thẩm quyền ban hành chính sách theo quy định tại Điểm đ Khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên” và Khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: *“Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”*. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, cần nêu cụ thể trong Báo cáo đánh giá

I.C.V

Ồ
PHÁ

NH D

tác động chính sách cơ quan có thẩm quyền giải quyết vấn đề là Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương. Hình thức quy định giải quyết vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Đối với các nội dung có liên quan đến thủ tục hành chính (TTHC) tại Điều 17 dự thảo Nghị quyết

Hiện nay, Trung ương chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, theo quy định Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành Nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định TTHC có tính chất đặc thù về thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là phù hợp nguyên tắc và thẩm quyền quy định TTHC tại Điểm 4.3 Khoản 4 Công văn 4218/BTP-VĐCXPDL ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tư pháp về việc trả lời về một số quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Vấn đề này, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có ý kiến tại Văn bản số 1993/VPUB-KSTT ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc cho ý kiến về TTHC quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Nội dung của dự thảo Nghị quyết có quy định một số chế độ, chính sách có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới và công tác dân tộc theo hướng có lợi đối với đối tượng thụ hưởng chính sách là nữ giới, là người dân tộc thiểu số, phù hợp với quy định tại Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo văn bản có nhiều điểm trình bày chưa đúng về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, đề nghị căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để chỉnh sửa dự thảo văn bản cho phù hợp, cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Đề nghị chỉnh sửa phần ghi số/ký hiệu văn bản: “Số/2019/NQ-HĐND” thành “Số/2019/NQ-HĐND” cho phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 58 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản, đề nghị bổ sung “Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của

Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức” để đảm bảo tính chặt chẽ về cơ sở pháp lý ban hành văn bản.

- Bổ sung đánh số thứ tự của dự thảo Nghị quyết đúng theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Đối với Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 60 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và “Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế)” Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo văn bản kèm theo Nghị quyết “*phần ghi quốc hiệu, tiêu ngữ, tên cơ quan ban hành văn bản*”; đồng thời, chỉnh sửa thay tên văn bản “Phụ lục” thành “QUY ĐỊNH” cho phù hợp như sau:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao
chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2019/NQ-HĐND ngày ... tháng ...
năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa thay cụm từ “Phụ lục này” thành “Quy định này” để đảm bảo tính chuẩn xác, thống nhất trong toàn văn bản, ví dụ tại các Điều 2, 3, 9, 29 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết.

- Để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, quy định: “Ngôn ngữ trong văn bản quy phạm pháp luật là tiếng Việt”, đề nghị chỉnh sửa, không sử dụng cụm từ tiếng nước ngoài “USD/tháng/người” trong đoạn: “Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ khi đi học được cấp thêm 50 USD/tháng/người ” (tại Khoản 1 Điều 11 Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết).

- Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung phần ghi quyền hạn, chức vụ của người ký “**CHỦ TỊCH**” ở cuối Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với hướng dẫn tại “Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế)” Phụ lục I kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

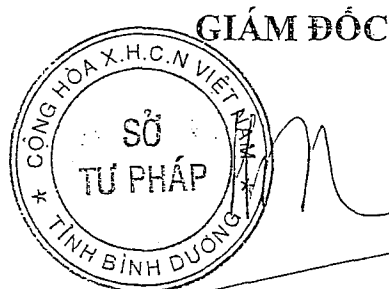
Tóm lại: Quá trình nghiên cứu, thẩm định dự thảo văn bản nêu trên, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản để đảm bảo đủ điều kiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Lưu ý cơ quan soạn thảo gửi Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo văn bản)

Trên đây là ý kiến thẩm định đối với dự thảo văn bản, Sở Tư pháp báo cáo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chuyển Quý cơ quan soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- GĐ STP;
- Đ/c Cg (để biết);
- Lưu: VT, XDKT, "pdf" (2).



Nguyễn Anh Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1993/VPUB-KSTT

Bình Dương, ngày 10 tháng 12 năm 2018

V/v cho ý kiến về thủ tục hành chính quy
định trong dự thảo văn bản quy phạm
pháp luật

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐẾN Số: 5862
Ngày: 12/12/18

Chuyên: 4/2/18

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Qua nghiên cứu tài liệu gửi kèm theo Công văn số 1905/SNV-ĐTBC ngày 27/11/2018 của Sở Nội vụ về việc cho ý kiến góp ý đối với văn bản có thủ tục hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về nguyên tắc và thẩm quyền quy định thủ tục hành chính (TTHC):

Hiện nay, Trung ương chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, theo quy định Khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định TTHC có tính chất đặc thù về thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Điều 17 của phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết) là phù hợp nguyên tắc và thẩm quyền quy định TTHC.

2. Về yêu cầu quy định TTHC: Dự thảo văn bản có quy định TTHC (thuộc đối tượng điều chỉnh của 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính); dự thảo văn bản quy định đầy đủ các bộ phận cơ bản tạo TTHC theo quy định tại Điều 8 Nghị định 63/2010/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với Dự thảo văn bản./.

Nơi nhận:

- CT UBND tỉnh;
- Như trên;
- LĐVP (Lg,V), KSTT, Th;
- Lưu: VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Khôi Việt

Số: 40 /BC-BBT

Bình Dương, ngày 05 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả lấy ý kiến dự thảo

“Nghị quyết về Chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương”

Thực hiện theo Công văn số 1381/SNV-ĐTBC ngày 30/8/2018 của Sở Nội vụ, Ban Biên tập Công Thông tin điện tử đã đăng tải dự thảo “Nghị quyết về Chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương”, trên Công Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (từ ngày 30/8/2018 đến ngày 30/9/2018).

Đến thời điểm báo cáo, Công Thông tin điện tử không nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Ban Biên tập báo cáo để Sở Nội vụ được biết.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- HĐND;
- TB, PTB Ban Biên tập;
- Lưu: VT.

**TM. BAN BIÊN TẬP
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Người ký: Phan Thanh Nam
Email: nampt@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Sở Thông tin và Truyền thông, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương và chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày 09/12/2011, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bình Dương khóa VIII (kỳ họp thứ 3) đã ban hành Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 phê chuẩn chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương và ngày 24/7/2014, HĐND tỉnh khóa VIII (kỳ họp thứ 12) ban hành Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 về chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Căn cứ tình hình và kết quả thực hiện các Nghị quyết nêu trên, Sở Nội vụ tỉnh báo cáo đánh giá tác động của các chính sách này như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương

Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 được ban hành trên cơ sở kế thừa chính sách thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh được ban hành từ khi tỉnh Bình Dương được tái lập nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các cơ quan Đảng, Đoàn thể, hành chính, sự nghiệp của tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Về cơ bản, Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 có 3 chính sách: Chính sách hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng; chính sách thu hút nguồn nhân lực và chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức một số ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, các chính sách này hiện nay đều có những điểm không còn phù hợp xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Cụ thể là:

- Nhu cầu đào tạo, thu hút, hỗ trợ cho từng đối tượng có sự thay đổi cần điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của địa phương và hoạt động của các ngành.

- Một số chế độ thu hút, nhất là thu hút nhân lực cho ngành y tế còn thấp nên thực hiện không hiệu quả. Số lượng thu hút không được nhiều trong khi số lượng bác sĩ tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập giảm dần do nghỉ hưu, nghỉ việc; số lượng tuyển dụng bổ sung hàng năm chưa đủ để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

- Do có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính thành lập 2 thị xã, 2 huyện mới và một số xã được nâng lên phường, thị trấn nên cần có sự điều chỉnh về tên gọi và chế độ hỗ trợ cho thống nhất với tên gọi địa giới hành chính mới.

Đồng thời, những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và địa bàn các xã nói riêng đã được nâng lên nên cần xem xét các chế độ, chính sách hiện hành đang áp dụng đối với các xã trước đây được xác định là khó khăn.

- Tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp y tế cấp huyện có sự thay đổi do thành lập các Trung tâm Y tế cấp huyện trên cơ sở hợp nhất 3 đơn vị là Bệnh viện, Trung tâm Y tế Dự phòng và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình; hợp nhất Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội và Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe thành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Viên chức công tác tại các đơn vị này trước khi hợp nhất được hưởng các chế độ hỗ trợ, thu hút khác nhau nên khi hợp nhất cần điều chỉnh cho phù hợp.

- Việc thực hiện các chính sách có liên quan đến tình hình ngân sách của địa phương nên cần rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các chế độ nếu xét thấy không hiệu quả.

b) Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 về chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một

Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 được thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến nay. So với chính sách thu hút trước đây được phê chuẩn tại Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND8 ngày 18/7/2012, đối tượng thu hút về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một đã có sự thu hẹp, chỉ thu hút tiến sĩ và thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi. Tuy nhiên, với số lượng đã được thu hút, cử đi đào tạo của trường trong những năm qua và viên chức khi được tuyển dụng về trường giảng dạy ít nhất phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên thì việc tiếp tục thực hiện thu hút người có trình độ thạc sĩ không còn phù hợp và không cần thiết. Vì vậy, chính sách thu hút cần tiếp tục được thu hẹp về đối tượng cho phù hợp.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Xây dựng các chính sách, chế độ đãi ngộ, hỗ trợ nhằm duy trì và ổn định nguồn nhân lực; thu hút người có trình độ, năng lực vào làm việc trong khu vực công; tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức có môi trường làm việc, học tập thuận lợi để nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp, gắn bó lâu dài với địa phương. Tiến hành rà soát hợp nhất các chính sách, chế độ từ 02 văn bản hiện hành thành một quy định chung để thuận lợi trong việc áp dụng.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định những vấn đề bất cập

a) Đối với Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8

* Chính sách hỗ trợ về đào tạo, bồi dưỡng

- Thời gian qua, trên cơ sở các đề án, kế hoạch được phê duyệt, tỉnh đã cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đến nay, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ từ cao đẳng trở lên hiện chiếm gần 70%, trong đó hơn 5% có trình độ sau đại học. Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ trung cấp trở lên đạt 97,83%. Căn cứ kết quả đạt được, chế

độ hỗ trợ đào tạo khi ban hành mới cần giới hạn đối tượng cử đi đào tạo từ ngân sách. Theo đó sẽ không cử cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; công chức, viên chức cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở... đi đào tạo trình độ đại học. Việc cử đi đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số; theo các đề án, kế hoạch do trung ương, tỉnh ban hành hoặc theo yêu cầu chuẩn hóa về trình độ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đào tạo trình độ đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức ở một số ngành nghề đặc thù do còn thiếu nhân lực và cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện trong trường hợp cơ quan, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại mà không thể bố trí được công việc phù hợp với chuyên môn đã được đào tạo trước đó. Đối với cử đi đào tạo sau đại học sẽ bổ sung các điều kiện về văn bằng, cơ sở đào tạo... khi cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo.

- Chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp

Thực tế hiện nay, tất cả các luận văn/luận án tốt nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức sau khi hoàn thành khóa học không được ứng dụng vào thực tiễn. Do vậy, hướng tới sẽ hạn chế đối tượng và bổ sung các điều kiện để được hưởng chế độ hỗ trợ này. Tỉnh chỉ hỗ trợ các trường hợp có làm luận văn tốt nghiệp đối với công chức, viên chức đi học chuyên môn y tế và công chức, viên chức các trường Trung học phổ thông, các trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng tỷ lệ có trình độ chuyên môn sau đại học đến năm 2020 đạt 25% theo mục tiêu tỉnh đã đề ra. Đối với các ngành, lĩnh vực còn lại, cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo, kể cả các lớp đào tạo liên kết với nước ngoài chỉ được giải quyết chế độ hỗ trợ khi đi học nhưng không giải quyết chế độ hỗ trợ thực hiện làm luận văn tốt nghiệp như quy định hiện hành. Ngoài ra, chính sách hỗ trợ cũng chỉ áp dụng đối với hình thức tốt nghiệp cuối khóa học theo hình thức có làm luận văn tốt nghiệp.

- Chế độ khuyến khích tự đào tạo

Quy định hiện hành xem xét giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức tự túc kinh phí đi học từ trình độ đại học trở lên. Sau nhiều năm thực hiện, cùng với cử đi đào tạo từ ngân sách, số lượng công chức, viên chức một số ngành đã đạt và trên chuẩn khá cao, nhất là ngành giáo dục và đào tạo. Tỷ lệ giáo viên các cấp học trên chuẩn lần lượt ở các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở là 47,27%, 84,28% và 71,39%. Xét thấy việc học tập nâng cao trình độ luôn là yêu cầu đặt ra đối với cán bộ, công chức, viên chức. Vì vậy, việc tiếp tục thực hiện chế độ khuyến khích tự đào tạo là cần thiết nhưng có sự hạn chế đối tượng được hưởng. Cụ thể là không giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo đại học đối với công chức, viên chức cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành...; không giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo đối với viên chức Trường Đại học Thủ Dầu Một đi học thạc sĩ; đồng thời bổ sung thêm các điều kiện về thời gian công tác, độ tuổi, chuyên ngành học, thời gian phục vụ sau khi tốt nghiệp... khi xem xét giải quyết chế độ khuyến khích tự đào tạo. Ngoài ra, xem xét bổ sung chế độ khuyến khích tự đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có

thẩm quyền chấp thuận cho đi học thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài theo diện tự túc kinh phí mà chính sách hiện hành chưa có quy định.

*** Chính sách thu hút**

- Chế độ thu hút đối với người được tuyển dụng mới: Chế độ thu hút này có hạn chế là thu hút mọi trường hợp có trình độ sau đại học mà chưa có ràng buộc về ngành nghề các cơ quan, đơn vị cần dẫn đến nhiều trường hợp có trình độ sau đại học có chuyên ngành đào tạo không phù hợp vị trí việc làm sau khi tuyển dụng đã đề nghị được giải quyết chế độ thu hút. Mặt khác, việc thu hút cũng chưa có sự chọn lọc về hình thức đào tạo (tập trung, không tập trung) và kết quả học tập (trừ thu hút trình độ đại học là có quy định tốt nghiệp đạt loại giỏi, loại xuất sắc).

- Chế độ thu hút đối với cán bộ, công chức, viên chức được tiếp nhận từ ngoài tỉnh: Người được tiếp nhận từ ngoài tỉnh có trình độ sau đại học về tỉnh công tác là được giải quyết chế độ thu hút mà không có sự phân biệt hình thức đào tạo, kết quả học tập, ngành nghề đã được đào tạo.

- Chế độ thu hút đối với người có học hàm, học vị làm việc trong một thời gian nhất định cho một công việc cụ thể: Chế độ thu hút này từ khi ban hành đến nay chưa có cơ quan, đơn vị nào thực hiện do các ưu đãi chưa thật sự hấp dẫn.

- Chế độ thu hút đối với người có trình độ chuyên môn y tế: Chế độ này được quy định khá chi tiết về đối tượng và chế độ thu hút được hưởng tùy theo đơn vị công tác và trình độ đã được đào tạo nhưng nhìn chung số lượng thu hút không được nhiều do nguồn thu hút có hạn về số lượng và một phần chế độ thu hút cũng chưa thật sự cao. Từ năm 2012 - 2018, ngành y tế đã thu hút được 270 bác sĩ đa khoa nhưng có đến 216 bác sĩ đa khoa nghỉ việc và nghỉ hưu (147 người nghỉ việc và 69 người nghỉ hưu). Ngành y tế hiện nay đang thiếu bác sĩ lại phân bố không đồng đều giữa 3 tuyến (tỉnh, huyện, xã) và các chuyên khoa. Để thực hiện đạt mục tiêu 9 bác sĩ/1 vạn dân đến năm 2020 và đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong điều kiện dân số tăng nhanh về mặt cơ học, thời gian tới các đơn vị sự nghiệp y tế rất cần được bổ sung thêm bác sĩ.

- Chế độ thu hút đối với viên chức y tế và viên chức ngành giáo dục - đào tạo về công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn.

Chính sách hiện hành quy định cán bộ quản lý, viên chức chuyên môn y tế về công tác tại các trạm y tế và cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo về công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn sẽ được hỗ trợ hàng tháng bằng 70% mức lương theo ngạch bậc hiện hưởng, phụ cấp chức vụ và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) trong thời gian 05 năm kể từ ngày đến nhận công tác. Riêng cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo còn được hưởng trợ cấp 01 lần là 3 triệu đồng/người.

Khi ban hành chính sách nêu trên, tình hình kinh tế - xã hội một số xã trên địa bàn tỉnh còn khó khăn. Căn cứ vào các quy định của trung ương và tình hình thực tế ở địa phương, tỉnh xác định có 29 xã khó khăn nên có chính sách thu hút cho viên chức y tế và giáo dục - đào tạo về công tác tại các xã này để hỗ trợ cho người được thu hút có thêm điều kiện ổn định cuộc sống ban đầu, an tâm công

tác. Tuy nhiên, hiện nay tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh đã có thay đổi nên việc xác định còn xã khó khăn là không phù hợp.

Để chính sách thu hút thực hiện đạt hiệu quả, trên cơ sở những hạn chế của các chế độ thu hút nêu trên, chính sách thu hút của tỉnh cần có sự điều chỉnh cho phù hợp. Cụ thể là:

- Xác định lại phạm vi thu hút: Theo đó, giới hạn đối tượng thu hút về tỉnh công tác chỉ thực hiện đối với các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; ngành y tế; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Trường Đại học Thủ Dầu Một; không thu hút đối với cấp xã và ngành giáo dục - đào tạo.

- Xác định lại các hình thức thu hút: Thu hút theo hình thức mời trực tiếp các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề để phục vụ cho yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh và thu hút theo hình thức tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức ngoài tỉnh; tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế.

- Quy định chi tiết hơn về điều kiện thu hút (về văn bằng, độ tuổi, thời gian phục vụ, hình thức đào tạo, kết quả học tập...) đối với từng ngành thu hút cho phù hợp.

- Xây dựng các chế độ thu hút tương ứng với nhu cầu thực tế của tỉnh và phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, trong đó nâng mức hỗ trợ tương xứng để có thể thu hút được nhiều bác sĩ về tỉnh công tác.

- Bãi bỏ chế độ thu hút đối với viên chức y tế và viên chức ngành giáo dục - đào tạo về công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn.

* Các chế độ hỗ trợ

- Hỗ trợ cho cán bộ, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập:

Hiện nay, viên chức chuyên môn y tế công tác tại các cơ sở y tế công lập, hàng tháng ngoài tiền lương, phụ cấp theo quy định chung còn được tỉnh hỗ trợ thêm từ 0,2 - 3,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng tùy theo trình độ chuyên môn, địa bàn, cơ quan công tác. Thời gian được hưởng hỗ trợ là 05 năm.

Quá trình thực hiện cho thấy chế độ hỗ trợ này là rất cần thiết để góp phần duy trì sự ổn định cho đội ngũ viên chức chuyên môn y tế vì vậy, đề nghị tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ này nhưng có xem xét điều chỉnh mức hỗ trợ cho phù hợp với tính chất công việc...; tăng mức hỗ trợ đối với bác sĩ và người có trình độ sau đại học...; bãi bỏ chế độ hỗ trợ hàng tháng áp dụng đối với viên chức y tế công tác tại các xã khó khăn (do xác định tỉnh không còn xã khó khăn).

Ngoài ra, bổ sung thêm chế độ hỗ trợ thâm niên cho viên chức y tế là bác sĩ tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập để động viên, khích lệ viên chức an tâm công tác, ổn định nguồn nhân lực có chuyên môn y tế của tỉnh.

- Chế độ hỗ trợ cho viên chức y tế học đường:

Chế độ hỗ trợ này là cần thiết vì người có trình độ chuyên môn y tế rất ít khi về công tác tại trường học. Hướng tới tiếp tục duy trì chế độ hỗ trợ này để động viên viên chức y tế công tác tại các trường học. Ngoài ra, bổ sung thêm đối tượng được hưởng là người có chuyên môn y tế trình độ cao đẳng vì chính sách hiện hành chỉ quy định chế độ hỗ trợ cho viên chức y tế có trình độ bác sĩ hoặc tương đương và viên chức y tế có trình độ trung cấp, y sĩ hoặc tương đương. Tuy nhiên, trong quá trình công tác có người đã học lên trình độ cao đẳng hoặc tuyển dụng mới có trình độ cao đẳng nên cần bổ sung đối tượng này vào chính sách.

- Chế độ hỗ trợ cho viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo và giáo dục nghề nghiệp có trình độ sau đại học:

Chính sách hiện hành có quy định chế độ hỗ trợ hàng tháng cho công chức, viên chức có trình độ sau đại học công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp công lập với các mức: Tiến sĩ: 2,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng; Thạc sĩ, chuyên khoa cấp II: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng; chuyên khoa cấp I: 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng. Thời gian hưởng là 05 năm. Trên thực tế, chế độ hỗ trợ này giúp người thụ hưởng có thêm thu nhập, ổn định cuộc sống, an tâm công tác. Mặt khác, động viên, khích lệ công chức, viên chức phấn đấu học tập để đạt trình độ cao hơn. Do vậy, đề nghị tiếp tục duy trì chế độ hỗ trợ này nhưng quy định chặt chẽ hơn về điều kiện được hưởng. Cụ thể là người được hưởng phải có trình độ chuyên môn đã được đào tạo phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm.

- Hỗ trợ cho cán bộ quản lý, viên chức được điều động về công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Y tế, Giáo dục và Đào tạo (GD và ĐT), Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ - TB và XH):

Trước đây, do có khó khăn khi tuyển dụng công chức chuyên môn về công tác tại Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Sở GD và ĐT, Phòng GD và ĐT, Sở LĐ - TB và XH, Phòng LĐ - TB và XH nên có quy định chế độ hỗ trợ cho cán bộ quản lý, viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc khi được điều động về các cơ quan quản lý nêu trên thì được hưởng các chế độ phụ cấp ưu đãi ngành trong thời hạn 03 năm.

Trong giai đoạn hiện nay cần xem xét đối tượng hưởng thuộc ngành LĐ - TB và XH vì việc tuyển dụng không khó khăn như ngành y tế và GD và ĐT. Do vậy, chỉ duy trì chế độ hỗ trợ này đối với ngành y tế và GD - ĐT. Bãi bỏ chế độ hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc ngành LĐ - TB và XH về công tác tại Sở LĐ - TB và XH, Phòng LĐ - TB và XH.

- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ, người dân tộc thiểu số:

Chính sách hiện hành có quy định chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ, dân tộc ít người. Cụ thể gồm có:

+ Ngoài các chế độ hỗ trợ đi học áp dụng chung cho các đối tượng, nếu là nữ, người dân tộc thiểu số khi đi học các lớp có thời gian từ 01 tháng trở lên thì mỗi tháng học được cấp thêm 200.000 đồng/tháng/người.

+ Cán bộ, công chức, viên chức được học bổng toàn phần do Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế và các học bổng khác được Chính phủ Việt Nam cho phép để tài trợ chi phí cho toàn bộ khóa học ở nước ngoài, không sử dụng ngân sách Nhà nước thì được hỗ trợ thêm hàng tháng bằng 50% mức sinh hoạt phí toàn phần tùy thuộc vào nước đến học tập theo quy định hiện hành của Trung ương về chế độ, cấp phát và quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh Việt Nam ở nước ngoài bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Ngoài mức hỗ trợ nêu trên, nếu là nữ khi đi học được cấp thêm 50 đô la Mỹ/tháng/người.

+ Người có trình độ chuyên môn y tế là nữ được thu hút về công tác tại các cơ sở y tế công lập, các cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc ngành Lao động, Thương binh và Xã hội được hỗ trợ thêm 0,7 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Các chế độ hỗ trợ nêu trên cần tiếp tục được duy trì nhằm động viên, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức nữ, người dân tộc thiểu số tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời có thêm điều kiện trang trải trong sinh hoạt.

- Hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học và chế độ hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

Hai chế độ hỗ trợ này hiện có ý kiến khác nhau nhưng phần lớn các cơ quan, đơn vị đang thụ hưởng đề nghị giữ lại vì những lý do sau:

+ Chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học: Chế độ hỗ trợ này thể hiện sự ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được đào tạo sau đại học nên trong quá trình công tác có chất lượng tham mưu đề xuất, giải quyết công việc hiệu quả hơn. Vì vậy, tỉnh cần tiếp tục động viên người có trình độ sau đại học vì ngoài chế độ tiền lương theo quy định chung người có trình độ sau đại học cũng không được hưởng chế độ hỗ trợ nào khác.

+ Chế độ hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Chế độ hỗ trợ này góp phần khuyến khích cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã học tập nâng cao trình độ; hỗ trợ phần nào sinh hoạt hàng tháng cho cán bộ, công chức nhất là người hoạt động không chuyên trách với mức lương, phụ cấp còn thấp. Bên cạnh đó, việc thực hiện hỗ trợ này đã góp phần thu hút những người có trình độ đại học vào làm việc tại các xã, phường, thị trấn và giữ chân họ an tâm công tác, cống hiến cho địa phương.

+ Hiện nay, thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Trung ương, từ năm 2015 - 2021, biên chế hành chính phải giảm 10% so với biên chế được Bộ Nội vụ giao năm 2015. Ngoài ra, các cơ quan hành chính còn phải giảm thêm hơn 20% biên chế do tỉnh đã sử dụng vượt chỉ tiêu biên chế được Trung ương giao. Như vậy, đến năm 2021, các cơ quan hành chính của tỉnh giảm gần 1/3 biên chế so với hiện nay. Đối với cấp xã, với số lượng 47 người (xã loại 1), 43 người (loại 2) và 40 người (loại 3) hiện nay, khi triển khai thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ thì số lượng cán bộ, công

chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã phải giảm còn tối đa 37 người (loại 1), 33 người (loại 2) và 29 người (loại 3). Do số lượng biên chế các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và định biên cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã giảm đáng kể nên với số biên chế còn lại phải đảm đương công việc hiện nay do nhiều người thực hiện. Vì vậy, chính sách ban hành cần giữ lại các chế độ hỗ trợ này. Tuy nhiên, chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã cần có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Cụ thể: Bổ sung chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ sau đại học mà chính sách hiện hành chưa có quy định; bãi bỏ chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã công tác tại các xã thuộc vùng khó khăn vì hiện nay việc xác định các xã khó khăn trên địa bàn tỉnh không còn phù hợp.

- Các chế độ khác

Ngoài các chế độ đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ nêu trên, các chế độ khác còn phù hợp với tình hình thực tế sẽ được giữ lại để thực hiện.

b) Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8

Thực hiện Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8, trường Đại học Thủ Dầu Một đã thu hút 02 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 20 Tiến sĩ và 03 thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi. Với số lượng đã được thu hút, cùng với cử đi đào tạo thời gian qua, về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu mở mã ngành và giảng dạy của Trường. Do vậy, trong thời gian tới, tiếp tục có sự điều chỉnh đối tượng thu hút về công tác tại trường Đại học Thủ Dầu Một. Theo đó, bãi bỏ thu hút đối với người tốt nghiệp thạc sĩ loại giỏi như quy định hiện hành; chỉ thu hút người có trình độ tiến sĩ đối với một số ngành mà trường còn thiếu để phục vụ cho công tác giảng dạy, đồng thời bổ sung đối tượng thu hút đối với người có học hàm giáo sư, phó giáo sư.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Căn cứ thực tiễn áp dụng thời gian qua như phân tích nêu trên, có nhiều chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 hiện không còn phù hợp. Do vậy, ban hành Nghị quyết mới nhằm bãi bỏ những chính sách, chế độ không còn phù hợp, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, chế độ mới nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Giải pháp đề xuất thực hiện

a) Giải pháp thứ nhất

Giữ nguyên các chính sách, chế độ của tỉnh như hiện nay đối với cán bộ, công chức, viên chức; chỉ tiến hành hợp nhất 02 Nghị quyết hiện hành thành một Nghị quyết.

b) Giải pháp thứ hai

Ban hành Nghị quyết mới trên cơ sở hợp nhất 02 Nghị quyết hiện hành thành một văn bản chung, đồng thời rà soát bãi bỏ các chính sách, chế độ không

còn phù hợp; điều chỉnh và bổ sung các chính sách, chế độ mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp

a) Giải pháp thứ nhất

Các chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực hiện hành đã phát huy hiệu quả trong thời gian qua, góp phần duy trì và nâng cao chất lượng nhân lực trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp của tỉnh. Tuy nhiên, tiếp tục thực hiện các chính sách, chế độ theo các quy định hiện hành sẽ không còn phù hợp do yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, đối tượng cần thu hút, hỗ trợ có nhiều thay đổi. Nếu chỉ tiến hành hợp nhất các chính sách, chế độ được phê chuẩn từ 02 Nghị quyết hiện hành thành một văn bản tuy có thuận lợi cho việc áp dụng nhưng không giải quyết được những vấn đề phát sinh về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực.

b) Giải pháp thứ hai

- Tác động về kinh tế - xã hội:

+ Việc ban hành văn bản mới bên cạnh loại bỏ những chính sách, chế độ không còn phù hợp, đồng thời bổ sung các chính sách, chế độ mới đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, khắc phục những hạn chế, thiếu sót mà chính sách hiện hành chưa đáp ứng được. Qua đó, góp phần giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi nhiệm vụ mà đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có chưa đáp ứng được.

+ Tùy theo nhu cầu, đặc điểm của ngành lĩnh vực, chính sách ban hành gắn với hình thức thực hiện, chế độ áp dụng đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng kinh phí trong quá trình giải quyết các yêu cầu về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực của tỉnh.

- Tác động về giới và công tác dân tộc: Một số chính sách, chế độ được quy định áp dụng cho nữ giới và người dân tộc thiểu số phù hợp với các quy định hiện hành về vấn đề bình đẳng giới và công tác dân tộc.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách này có làm phát sinh thêm 01 thủ tục hành chính mới. Cụ thể là thủ tục thu hút theo hình thức mời trực tiếp các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn cao, có uy tín về học thuật, tay nghề để phục vụ cho yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh (Điều 15 của Quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết). Việc quy định thủ tục là rất cần thiết để đảm bảo việc thu hút được thực hiện chặt chẽ, có phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị, đồng thời tạo thuận lợi cho người được thu hút thực hiện.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này khi được ban hành không làm ảnh hưởng đến hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; đồng thời phù hợp với chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 3668/UBND-KHTH ngày 08/8/2018 yêu cầu các đơn vị rà soát chính sách, chế độ do các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành từ năm 1999 đến tháng 6/2018.

5. Kiến nghị lựa chọn giải pháp

- Trên cơ sở đánh giá các giải pháp, Sở Nội vụ đề nghị chọn giải pháp thứ hai để giải quyết những vấn đề bất cập mà các chính sách hiện hành đã bộc lộ trong quá trình áp dụng. Việc ban hành Nghị quyết mới sẽ bãi bỏ những chính sách, chế độ không còn phù hợp; điều chỉnh, bổ sung các chính sách, chế độ mới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương về xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ngoài ra, việc hợp nhất 02 Nghị quyết hiện hành thành một Nghị quyết sẽ tạo thuận lợi cho việc áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản để giải quyết các nội dung nêu trên là Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Hình thức quy định giải quyết các vấn đề này là Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

III. LẤY Ý KIẾN

Các văn bản đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương được gửi đến các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức có đối tượng thụ hưởng chính sách, đồng thời được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Dương để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách này chịu trách nhiệm tổ chức thi hành và giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, ĐTBC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và
và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương và chính sách thu hút
người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một**

Thực hiện Nghị quyết số 58/2011/NQ-HĐND8 ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII (kỳ họp thứ 3) phê chuẩn chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII (kỳ họp thứ 12) phê chuẩn chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành các Quyết định để thực hiện các Nghị quyết nêu trên. Cụ thể là:

- Quyết định số 74/2011/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 quy định về chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương.

- Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 quy định chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Sau thời gian thực hiện, Sở Nội vụ báo cáo kết quả thực hiện các chính sách này như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Hiệu quả của chính sách

a) Chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương

- Chính sách hiện hành là kết quả của quá trình thực hiện chủ trương thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh từ năm 1998 đến nay. Qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung, các chế độ, chính sách của tỉnh đã góp phần duy trì, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Nhiều chính sách thể hiện sự đột phá của tỉnh trong từng thời điểm nhất định như chính sách thu hút nguồn nhân lực, khuyến khích tự đào tạo; hỗ trợ hàng tháng cho công chức có trình độ sau đại học, viên chức thuộc lĩnh vực y tế, cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã...

- Chính sách đã ban hành tạo điều kiện cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu đề ra theo các Chương trình hành động của Tỉnh ủy về Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ năm 2011 đến nay và các đề án đảm bảo nguồn nhân lực đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhất là đảm bảo sự ổn định nguồn nhân lực

thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và đội ngũ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

- Với các chế độ hỗ trợ phù hợp, kịp thời và cần thiết đã góp phần duy trì và phát triển nguồn nhân lực, cải thiện đời sống và tạo động lực khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Qua đó, góp phần cải thiện chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các ngành, các cấp. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thu hút từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2018 là:

+ Đào tạo: Trình độ đại học trở lên là 1.281 người (Tiến sĩ: 41 người, thạc sĩ: 335 người, chuyên khoa cấp II: 24 người, chuyên khoa cấp I: 128 người và đại học: 753 người).

+ Tỉnh đã thỏa thuận giải quyết chế độ hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo sau khi tốt nghiệp cho 1.981 cán bộ, công chức, viên chức, kể cả người hoạt động không chuyên trách cấp xã, gồm có: Tiến sĩ: 35 người, thạc sĩ: 313 người, chuyên khoa cấp I: 04 người, chuyên khoa cấp II: 01 người, đại học: 1.628 người.

+ Về thu hút, thông qua hình thức tiếp nhận từ ngoài tỉnh và tuyển dụng mới, tỉnh thu hút được 390 người, gồm có: Thạc sĩ: 109 người; đại học: 281 người (sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi và sinh viên ngành y).

Nhìn chung, chính sách của tỉnh về cơ bản vẫn tập trung cho công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ là chủ yếu. Việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo từ ngân sách phần lớn chỉ giải quyết cho viên chức y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã. Vì vậy, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ từ cao đẳng trở lên hiện chiếm gần 70%%, trong đó hơn 5% có trình độ sau đại học. Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ trung cấp trở lên đạt 97,83%. Tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân đạt 7,1 bác sĩ; tỷ lệ giáo viên các cấp học trên chuẩn tăng cao, vượt mục tiêu đề ra, lần lượt ở các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở là 47,27%, 84,28% và 71,39%.

b) Chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một

Chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một theo Nghị quyết số 18/2014/NQ-HĐND8 ngày 24/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện từ ngày 01/01/2015 thay cho chính sách trước đây được ban hành tại Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND8 ngày 18/7/2012. Chính sách này đã thu hẹp đối tượng thu hút; chỉ thu hút tiến sĩ và người tốt nghiệp thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi. Do thu hút có chọn lọc nên chất lượng nhân lực thu hút được nâng lên. Từ năm 2015 đến nay, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã thu hút 02 Phó Giáo sư - Tiến sĩ, 20 Tiến sĩ và 03 thạc sĩ tốt nghiệp loại giỏi. Với số lượng thu hút nêu trên đã bổ sung thêm cho đội ngũ giảng viên của Trường để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Những hạn chế của chính sách

- Hầu hết các chế độ, chính sách hiện hành về thu hút, hỗ trợ đều căn cứ vào bằng cấp để giải quyết nên chưa đánh giá chính xác chất lượng của đối tượng được thu hút, hỗ trợ so với mục đích, yêu cầu đặt ra. Mặt khác, trong suốt quá trình được hưởng các chế độ thu hút, hỗ trợ theo thời hạn quy định thường là 05 năm cũng không có đánh giá hiệu quả công việc so với trình độ theo văn bằng thu hút ban đầu nên một mặt chưa tạo động lực làm việc thật sự sau khi được thu hút, mặt khác cũng chưa tạo được sự đồng thuận giữa người được hưởng chế độ thu hút, hỗ trợ và người không được hưởng.

- Với chế độ khuyến khích tự đào tạo của tỉnh, nhiều cán bộ, công chức, viên chức đã tự túc kinh phí học tập để nâng cao trình độ nên được các cơ quan tạo điều kiện về mặt thời gian cho cán bộ, công chức, viên chức đi học. Điều này dẫn đến tình trạng số lượng người đi học ngày càng nhiều hơn đã có ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ ở cơ quan.

- Chế độ hỗ trợ thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đã giúp cán bộ, công chức, viên chức có thêm kinh phí thực hiện luận văn để hoàn thành khóa học. Tuy nhiên, việc ứng dụng kết quả nghiên cứu của các luận văn vào thực tiễn công việc của ngành, địa phương, đơn vị hầu như không có nên chưa gắn việc đào tạo và ứng dụng trong thực tế.

- Chính sách thu hút nguồn nhân lực, kể cả tiếp nhận công chức, viên chức có trình độ sau đại học từ ngoài tỉnh thuộc các ngành, lĩnh vực tỉnh cần không đạt hiệu quả và mục đích đề ra. Nguyên nhân là do các mức thu hút, hỗ trợ chưa thật sự hấp dẫn để giúp người được thu hút ổn định cuộc sống, gắn bó lâu dài với tỉnh. Ngoài ra, số lượng người có năng lực, trình độ chuyên môn thật sự cần thu hút nhất là trong lĩnh vực y tế, khoa học công nghệ...không có nhiều và hiện nay hầu như các địa phương khác trong cả nước đều cần nên rất khó thu hút.

- Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chỉ tiêu biên chế hành chính và số lượng người làm việc được giao trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh liên tục giảm qua các năm và sẽ tiếp tục giảm trong nhiều năm tới. Do vậy, việc thu hút nhân lực vào làm việc trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp có nhiều khó khăn.

- Một số chế độ thu hút, hỗ trợ đối với viên chức y tế, viên chức ngành giáo dục - đào tạo và cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã về công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn đến nay cần xem xét lại. Khi ban hành chính sách thu hút, hỗ trợ cho các đối tượng nêu trên, tình hình kinh tế - xã hội một số xã trên địa bàn tỉnh còn khó khăn. Tuy nhiên, hiện nay tình hình kinh tế - xã hội các xã này đã có thay đổi nên việc tiếp tục duy trì thực hiện các chế độ thu hút, hỗ trợ không còn phù hợp.

- Đối với chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một tuy đã hạn chế đối tượng thu hút, tổ chức tốt việc sơ tuyển trước khi tuyển dụng...Tuy nhiên, với số lượng đã được thu hút, cử đi

đào tạo của trường trong những năm qua và viên chức khi được tuyển dụng về trường giảng dạy ít nhất phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên thì việc tiếp tục thực hiện thu hút người có trình độ thạc sĩ không còn phù hợp và không cần thiết. Vì vậy, chính sách thu hút cần tiếp tục được thu hẹp về đối tượng cho phù hợp.

3. Về kinh phí

Kinh phí đã chi trả cho việc thực hiện các chế độ, chính sách bình quân khoảng 50 tỷ đồng/năm, trong đó chi chủ yếu cho công tác đào tạo, hỗ trợ cho viên chức y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

II. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH TRONG THỜI GIAN TỚI

Chính sách ban hành trong thời gian tới một mặt kế thừa và duy trì những chế độ, chính sách hiện hành còn phù hợp. Mặt khác, căn cứ vào thực trạng và yêu cầu nhân lực của từng ngành, lĩnh vực để xem xét xây dựng, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các chế độ, chính sách không còn phù hợp. Ngoài ra, qua rà soát, xét thấy cần hợp nhất các chế độ, chính sách về đào tạo, thu hút hiện đang được ban hành tại 02 văn bản nêu trên thành một văn bản. Vì vậy, Sở Nội vụ đề xuất xây dựng một Nghị quyết mới, trong đó bao gồm cả chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Việc xây dựng chính sách lần này dựa trên những cơ sở sau:

- Nguồn nhân lực hiện có trong xã hội hiện nay được đào tạo rất đa dạng về ngành nghề và trình độ trong khi số lượng cần tuyển dụng bị giới hạn về biên chế theo quy định, nhất là đối với các cơ quan hành chính. Điều này tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị có nhiều sự chọn lựa trong việc tuyển chọn nhân lực vào làm việc. Do vậy, đối với những ngành nghề đã được xã hội đào tạo thì không thực hiện chế độ đào tạo, thu hút.

- Việc thu hút nhân lực trong thời gian tới không thực hiện dàn trải mà chủ yếu tập trung cho một số ngành, nhất là y tế với việc bổ sung các chuyên ngành cần thu hút, nâng mức hỗ trợ thu hút và xây dựng chính sách mới để có thể mời những người có trình độ, năng lực thật sự về công tác; giữ nguyên các chế độ thu hút hiện hành đối với các lĩnh vực còn lại nếu có nhu cầu.

- Trong nhiều năm qua, tỉnh đã có chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nhằm chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quy định. Đến nay, cùng với chuẩn tuyển dụng đầu vào nên hầu như đội ngũ công chức của tỉnh đã đạt chuẩn quy định nên cần hạn chế việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi học từ ngân sách. Riêng lĩnh vực y tế cần đẩy mạnh việc đào tạo để đảm bảo về cơ cấu trình độ; lĩnh vực giáo dục - đào tạo tiếp tục thực hiện nâng chuẩn viên chức bậc Trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp. Vì vậy, chính sách ban hành tiếp tục ưu tiên cho các đối tượng này.

- Duy trì chế độ hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo nhưng có điều chỉnh, bổ sung các điều kiện được hưởng để vừa đảm bảo khuyến khích công chức, viên chức đi học vừa không ảnh hưởng đến việc thực hiện công việc tại cơ quan.

- Để duy trì và ổn định đội ngũ công chức, viên chức, tiếp tục thực hiện các chế độ hỗ trợ hàng tháng cho cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học; công chức, viên chức chuyên môn y tế; nhà giáo, cán bộ quản lý có trình độ sau đại học thuộc ngành giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã có trình độ đại học và sau đại học...

- Đối với chính sách thu hút người về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, hướng đề xuất sẽ tiếp tục thu hẹp đối tượng thu hút. Theo đó không thu hút người tốt nghiệp thạc sĩ loại giỏi, chỉ thu hút tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu hút, chế độ hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương; chính sách thu hút người có học hàm, học vị về công tác tại Trường Đại học Thủ Dầu Một và các đề xuất xây dựng chính sách trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, ĐTBC.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh